

Về Trương Vĩnh Ký

Và Một Số Vấn Đề Văn Bản, Lỗi Nhìn ...

Nguyễn Vy-Khanh

Những năm cuối thế kỷ XX có một hiện tượng tiêu cực và đặc biệt ngày càng trầm trọng, đó là việc các nhân vật lịch sử và văn hóa Việt Nam liên tục bị hạ bệ, vẽ trấu: Nguyễn Huệ, Gia Long, Nguyễn Du, Nguyễn Trường Tộ, Trương Vĩnh Ký, ... cũng như một số lãnh tụ, tướng lĩnh bất kể phe phái nào. Có khi là những nỗ lực đi tìm sự thực lịch sử, có khi là những đánh giá lại, có khi gián tiếp chửi bới một chế độ, phe nhóm, có khi vì kỳ thị tôn giáo hay vì mặc cảm, dị ứng, biếng ứng, có người riêng rẽ, lại có những tổ chức qui mô. Sự kiện 30-4-1975 đã chứng minh vai trò của "hoả mù" tuyên truyền, phản thông tin trong cuộc chiến tranh đó! Trong một tình cảnh chung của người Việt lúc này sống chết với ... lịch sử, với hiện tượng hồi ký tạp loại, nhất là tiểu thuyết lịch sử, dã sử. Dĩ nhiên đó cũng là lý do trong nước gần đây (4-2000), tại đại hội Nhà văn lần thứ 6, việc sáng tác về các đề tài lịch sử đã được Ban Chấp hành Hội Nhà văn đề ra như là một phương hướng nhiệm vụ cần thiết cho ngũ niên tới, 2000-2005 (1). "Hoả mù" cứ thế mà tiếp tục thôi! Dĩ nhiên, Trương Vĩnh Ký không thoát những đòn hỏa mù đó! Từ ngày ông qua đời đến nay và qua nhiều cuộc đời, đã có nhiều công trình biên khảo và nghiên cứu về ông, khen có chê có. Trong bài này chúng tôi với chủ ý đặt lại một số vấn đề nghiên cứu căn bản, do đó chỉ xin nêu ra một số sai lầm và nghi vấn về con người và sự nghiệp Trương Vĩnh Ký, một người Việt Nam-kỳ, theo đạo Thiên chúa, làm việc cho Pháp và là người mở đường báo chí và văn học chữ quốc ngữ ở hậu bán thế kỷ XIX. Ông sống đồng thời với Phan Thanh Giản, Nguyễn Đình Chiểu, Tôn Thọ Tường, Phan Văn Trị, ... nhưng mỗi người một cuộc đời khác nhau, đại diện cho các khuynh hướng người Việt lúc bấy giờ đối với thực dân Pháp thôn tính Nam-kỳ.

1 - Người ta thường phê phán Trương Vĩnh Ký làm việc với kẻ thù ngoại bang tức người Pháp. Bước đầu là làm thông ngôn cho Hải quân Pháp là những người sẽ đánh chiếm lục tỉnh. Phê phán dễ nếu không đặt vào hoàn cảnh của đương sự. Sau khi đi tu đạo Thiên-Chúa không thành và du học từ năm 14 tuổi ở Poulo Penang, ông về thọ tang mẹ năm 1858 (2), lúc đó 21 tuổi và nay mồ côi cả cha lẫn mẹ, cũng là lúc triều đình vua Tự Đức gay gắt cấm đạo, từ năm 1848 đến năm 1861 sáu lần ra chiếu cấm đạo, như chỉ dụ 13 (1860) nói rõ không cho người theo đạo làm quan chức và nếu đang làm quan phải bỏ đạo nếu không sẽ bị hình phạt ("thất cổ chết ngay"). Có đạo là một "tội hình", Trương Vĩnh Ký sẽ làm nghề gì nếu không làm rầy ruộng, nhưng ông lại mồ côi, không thân thích! Năm 1860, sau khi trốn khỏi trường Cái Nhum nơi ông tá túc và dạy trẻ em, vì bắt đạo, ông phải trốn lên Sài-Gòn ở và làm việc cho giám mục Lefèbvre, nên khi người Pháp cần thông ngôn gấp vì không thể tiếp xúc với dân chúng, chính giám mục này đã tiến cử Trương Vĩnh Ký làm thông ngôn cho trung tá Hải quân Jauréguiberry, tư lệnh Sài-Gòn. Lúc này thành Gia-Định đã thất thủ, Trương Vĩnh Ký lập gia đình năm 1861 ở Chợ Quán. Nhưng công việc này không được lâu vì Trương Vĩnh Ký đã có thái độ và quyết tâm làm theo ý nguyện của ông. Theo một tài liệu ông Nguyễn Đình Đầu mới tìm thấy, Trương Vĩnh Ký từng tỏ ra dù hợp tác với Pháp, vẫn cho họ biết ông có con đường của ông. Một bức thư của chỉ huy trưởng D'Ariès gửi đô đốc Charner đề ngày 21-5-1861

đề cử Trương Vĩnh Ký : "trong số người Nam nói được ngôn ngữ của chúng ta chỉ có một người tên là Petrus Ký là biết khá rành rẽ có thể giữ các chức vụ Ngài muốn thiết lập bên cạnh các thẩm quyền quân sự của chúng ta", nhưng D'Ariès than phiền thái độ hợp tác lơ là của người thanh niên 23 tuổi này: "từng là nhân viên Sở Sự vụ bản xứ Sài-Gòn, ông ta đã bị sa thải vì thiếu mẫn cán và tận tụy, rất thông minh, rất có khả năng làm tốt công việc, nhưng ông ta dần dà đánh mất sự tin tưởng tạo được. Tôi không muốn chỉ định ông ta để ngài chọn làm thông dịch viên cho các hội đồng chiến tranh của chúng ta". Dù vậy vị tổng chỉ huy Charner nói trên vẫn chọn Trương Vĩnh Ký và đưa ra các điều kiện để D'Ariès chuyển lại họ Trương "40 đồng một tháng và phải luôn có mặt tại Sài-Gòn". Nhưng Trương Vĩnh Ký không chấp thuận điều kiện đó và nhân tiện bộc lộ tư cách của ông khiến D'Ariès bức tức trong thư sau đề ngày 28-5-1861: "Tính kiêu căng và các yêu sách của ông ta hơn tất cả những gì chúng ta có thể tưởng tượng về ông ta (...) đòi 110 đồng với quyền làm công việc mà ông ta ưa thích và rút lui khi nào không còn thích hợp..." (3). Léonard Charnier là người đã đánh hạ đồn Chí Hòa ngày 24-2-1861.

14 tàu chiến của liên-quân Pháp và Tây-ban-nha bắn vào cửa Hàn (Đà Nẵng) lần đầu ngày 1-9-1858, và cũng như sau này tấn công Bắc-kỳ lần thứ nhất (1873), người Pháp đều gặp nhiều khó khăn vì người Việt theo đạo Thiên-Chúa đã không hưởng ứng nổi dậy làm nội ứng như người Pháp tiên liệu. Ngày 17-2-1859, hải quân Pháp và Tây-ban-nha đã chiếm thành Gia Định, rồi đến tháng 12-1861 chiếm hết ba tỉnh miền Đông Nam-kỳ, đưa đến hoà ước Nhâm Tuất (5-6-1862). Trương Vĩnh Ký ra Đà Nẵng làm thông ngôn trong việc ký hoà ước và đòi bồi thường chiến phí này, ông đã tỏ ra có khả năng nghị luận và thẳng thắn khi phải tế nhị giữa hai bên, đã được cả hai phe để ý. Cho nên tháng 6-1863 cụ Phan Thanh Giản đã yêu cầu Trương Vĩnh Ký làm thông ngôn cho phái đoàn đi Paris và Madrid xin chuộc lại ba tỉnh miền Đông - trong khi đó một số người như "sử gia" Vũ Ngự Chiêu sai lầm khi nói ông làm cho Pháp, tức theo phái đoàn Pháp. Không thành, và rồi ba tỉnh miền Tây cũng bị Pháp chiếm nốt. Cụ Phan Thanh Giản đã phải uống thuốc độc tự vận ngày 20-6-1867 sau khi đành nộp thành Vĩnh Long cho Pháp để tránh chết chóc cho người dân vì cụ đã thấy và hiểu ta không thể chống cự lại khí giới tối tân của người Pháp. Trương Vĩnh Ký lựa chọn con đường hợp tác sau mới rõ ra là ảo tưởng vì người Pháp không thực tâm "khai hóa", nhưng lúc đó, họ Trương không có lựa chọn khác. Đó chỉ là bước đầu vì Trương Vĩnh Ký đi xa hơn và để lại cho hậu thế một gia tài văn hóa quan trọng mà chúng ta nên bình tâm luận xét. Cụ Phan hiểu thế yếu đã tự xử cho trọn đạo quân-thần, Hoàng Diệu và Nguyễn Tri Phương tự tìm cái chết cũng cho phải đạo. Cụ Nguyễn Đình Chiểu ở hoàn cảnh khác, cũng trốn tránh kẻ thù, không hợp tác. Tất cả trung thành với đạo nho, hôm nay có người phê bình là "hủ nho" (4). Trong bối cảnh lịch sử đó, Trương Vĩnh Ký đã lựa chọn con đường hợp tác với kẻ thù và mong chờ cơ hội để người Pháp hiểu con người Việt Nam, cũng là cách để người công-giáo trở về với dân tộc - như Nguyễn Trường Tộ sau này, chứng minh với người Pháp là người Việt theo đạo Thiên-Chúa không hẳn sẽ dễ bảo, dễ theo Pháp để phản bội lại dân tộc! Hôm nay chúng ta phê bình dễ dàng, vì không sống trong hoàn cảnh. Còn phê bình hợp tác với kẻ thù, sau ông, "chúng ta" cũng đã hợp tác với kẻ thù Trung-Hoa rồi Pháp và Mỹ! Nếu suy luận từ những thư tín của các vị thừa sai thì cũng nên xem lại những lá thư mà ông Nguyễn Đình Đầu đã khám phá như nói trên! Ngoài ra, cũng nên ghi nhận Trương Vĩnh Ký từng làm thông ngôn cho sứ thần Tây-ban-nha yết kiến vua Tự Đức năm 1870 và làm việc cho đại sứ nước này ở Trung-Hoa năm 1874!

2 - Trương Vĩnh Ký làm báo cho Pháp: Gia Định Báo lúc đầu là một thứ công báo của chính quyền thực dân Pháp, nhưng từ 1869 (nghị định 189 ngày 16-9-1869), Trương Vĩnh Ký, một cộng tác viên từ 1865, được cử làm Chánh-tổng-tài và Huỳnh Tịnh Paulus Của làm chủ bút, Tôn Thọ Tường, Trương Minh Ký, v.v., trong ban biên tập. Gia Định Báo được thêm phần truyền bá chữ quốc ngữ, khuyến khích dùng thứ chữ này để viết báo viết văn - báo khuyến khích độc giả viết chuyện ở các địa phương họ ở bằng chữ quốc ngữ; và cổ động cho lối học mới. Từ 4 trang lên 16 trang. Vô tình, Gia Định Báo đã đóng vai trò tiên phong truyền bá cái về sau gọi là văn học chữ quốc ngữ. Đến năm 1874, J. Bonet được cử làm chánh tổng tài thay Pétrus Ký, thì tờ Gia Định Báo trở lại với vai trò thông tin tuyên truyền cho chính quyền thuộc địa và rút lại 4 trang như trước. Trương Vĩnh Ký chỉ làm báo cho Pháp một thời gian ngắn trong suốt quá trình hoạt động văn hóa của ông. Ngoài ông ra, làm báo theo lệnh Pháp hay nhận tiền của Pháp còn có Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Phạm Duy Tồn, Nguyễn Bá Học, Hồ Biểu Chánh, Nguyễn Đức Quỳnh, ... Nếu thêm danh tính các khuôn mặt lớn khác đã làm báo cho Pháp, Trung-cộng, Liên Xô, cho Mỹ trước và sau 1975,... danh sách sẽ dài ra!

3 - Chữ quốc ngữ : Trương Vĩnh Ký thông thạo nhiều thứ tiếng và cả chữ Nôm chữ Hán, nhưng ông đã có cái nhìn thực tiễn khi cổ động việc sử dụng chữ quốc ngữ để thay thế hai thứ chữ không đến được dân gian. Ông viết, phiên âm và phiên dịch các tác phẩm chữ Nôm, Hán qua chữ quốc ngữ, mà các bản dịch Tứ Thư Ngũ Kinh đã là những công trình quý hiếm vì trước đó chưa bậc tiền bối nào đã dịch ra chữ Nôm! Ông lại soạn tự điển và viết sách văn phạm tiếng Việt, làm chuyện đến lúc đó chưa ai làm qui mô. Trong bộ Sơ Học Qui Chánh (Manuel des écoles primaires) gồm 3 tập mà cuốn đầu Syllabaire Quốc ngữ xuất bản năm 1876, Trương Vĩnh Ký đã cho biết "Chữ quốc ngữ phải trở thành chữ viết của đất nước. Phải như thế vì lợi ích và sự tiến hóa. Vậy, người ta nên tìm cách phổ biến thứ chữ này bằng mọi phương tiện ..." (5)

Cuốn Chuyện Đồi Xưa (6) của Trương Vĩnh Ký in năm 1866 là ấn phẩm văn xuôi đầu tiên bằng chữ quốc ngữ; chúng tôi nhân mạnh ấn phẩm vì trước ông đã có những bản viết tay bằng chữ quốc ngữ của các vị thừa sai và tu sĩ người Việt, như Bento Thiện đã viết về lịch sử Việt Nam năm 1659, và đã có những cuốn tự điển của A. de Rhodes (Đắc Lộ), Tabert và Phan Văn Minh, v.v. Tập tự điển của Tabert (1838) có phụ lục chuyện Inê Từ Đạo Văn gồm 560 câu thơ lục bát.

Người ta đã cho rằng vì ông làm tay sai cho thực dân và vì là người theo đạo Thiên-Chúa nên cổ động chữ quốc ngữ là chữ của thực dân và nhà Chung. Phạm Long Điền mạnh ý này nhất. Ở đây cũng nên nêu một hiểu lầm khác: trước nay dư luận vẫn cho rằng các vị thừa sai người Bồ rồi Pháp đã buộc người Việt theo đạo Thiên-Chúa phải dùng chữ quốc ngữ và có người còn gán tội người Thiên-Chúa giáo đã đồng hoá chữ Nôm và Hán là chữ của "ngoại đạo". Đây chỉ là một thuận suy diễn thiếu căn bản lịch sử. Những khám phá gần đây ở Việt Nam của nhóm các linh mục Thanh Lãng và Nguyễn Hưng đã góp phần làm sáng tỏ sự "mất gốc" của người Việt Nam theo đạo Thiên-Chúa : chỉ riêng thế kỷ XVIII, các nhà tu hành và giáo dân đạo Thiên-Chúa đã biên soạn khoảng 14 tác phẩm chữ Nôm gồm khoảng 1 triệu hai trăm ngàn chữ với bốn ngàn hai trăm trang hiện còn tìm được, trong khi trong cùng thời gian, họ chỉ biên soạn khoảng 700 trang chữ quốc ngữ, tức sáu lần ít hơn (7)! Vậy đồng hoá người theo đạo Thiên-Chúa với chữ quốc ngữ làm

"mất nước" và mất "hồn nước" tựu trung cũng chỉ một huyền thoại, một suy diễn thiếu căn bản lịch sử! Ngoài ra có những tu sĩ Việt Nam đã có cái nhìn nếu không dân tộc thì cũng đi trước thời đại, như linh mục Lữ-Y Đoan đã diễn dịch Kinh Thánh thành Sám Truyền Ca năm 1670. Ông đã dùng những ý niệm và ngôn ngữ của tam giáo á-đông và văn hóa dân gian Việt Nam để hiểu và diễn dịch Kinh Thánh và giới giáo quyền từ thời đó đã không cho phổ biến vì "trái" luật đạo - cho đến thời Vaticano thứ hai (1962-65) (8). Một trí thức dù theo đạo vẫn không mất gốc, Trương Vĩnh Ký sau này cũng đi theo con đường của ông! Sự thực thì chữ quốc ngữ trước hết là một phương tiện cho các nhà truyền giáo dùng trong nội bộ giúp nhau ghi lại và hiểu tiếng Việt, rồi đến các cộng đoàn đạo, đến giữa thế kỷ XVIII chữ quốc ngữ phát triển hơn vì lý do cấm đạo và việc xử dụng bắt đầu tiện lợi. Theo nhà nghiên cứu Rolland Jacques, chữ quốc ngữ lúc đầu chủ yếu mô tả phát âm nhằm giúp người ngoại quốc mới học, nhưng về sau khi đã phổ biến đối với người Việt thì khía cạnh âm-vị-học được ưu tiên hơn, dấu vết hấy còn đó trong các tự điển và tranh luận về các cách phiên âm Nôm ra quốc ngữ (9)!

Thứ nữa là lý luận chữ quốc ngữ là chữ của thực dân xâm lược. Đây là một suy diễn khác. Chữ quốc ngữ nguyên do các thừa sai người Bồ-đào-nha và người Nhật sang truyền đạo ở Việt Nam từ những năm 1620 lập ra để tiện lợi hoá việc biên chép và giao thiệp. Linh mục Đắc Lộ (Alexandre de Rhodes) chỉ là người đã phụ trách việc tu chỉnh lại những tự điển đã có lúc đó nhưng phổ biến hạn chế trong nội bộ, và in ấn cuốn sách chữ quốc ngữ đầu tiên : Tự điển Việt-Bồ-La / Dictionarivm annamiticvm, et tatinvm... (xin chú ý: Việt-Bồ-La chứ không có chữ Pháp trong cuốn tự điển này cũng như cuốn kể sau!), và Phép Giảng Tám Ngày.../ Catechismvs pro is.... Ông đã tổng soạn lại những công trình trước đó của các thừa sai người Bồ (10) và lúc linh mục Đắc Lộ người Pháp in ấn cuốn tự điển nói trên năm 1651, Pháp chưa đem hải thuyền chiếm Việt Nam vì lúc đó là thời của Bồ-đào-nha và Tây-ban-nha làm chủ mặt biển, và đến một thế kỷ rưỡi sau, khi giám mục Bá-Đa-Lộc cầu cứu vua Pháp giúp chúa Nguyễn Ánh, vua Louis XVI dù đã ký hiệp ước Versailles hứa giúp chúa Nguyễn vẫn không hề nghe theo để lợi dụng cơ hội xâm chiếm Việt Nam ! Thứ nữa, giáo sĩ Đắc-Lộ đi á-đông truyền giáo đã thề phục vụ vua Bồ-đào-nha. Suy luận có thể diễn dịch từ sinh quán Avignon của ngài ở Pháp. Ngô nhận thứ hai do câu văn A. de Rhodes viết tường trình chuyến đi lần sau. Trong Divers voyages et missions (Paris, 1653) đoạn cuối chương 19, phần 3, ông viết như sau: "J'ai cru que la France, étant le plus pieux royaume de monde, me fournirait plusieurs soldats qui aillent à la conquête de tout l'Orient, pour l'assujetter à Jésus Christ, et particulièrement que j'y trouverais moyen d'avoir des Évêques, qui fussent nos Pères et nos Maitres en ces Églises...". Chữ "soldats" ở đây phải hiểu theo nghĩa thứ nhì là "chiến sĩ" mà phải là "chiến sĩ phúc-âm, nhà truyền giáo", thứ nữa không nên quên sinh quán của ngài là đất của giáo hoàng! Lính Pháp vào năm 1653 chưa lên đường đi chiếm thuộc địa mà Hội Truyền giáo Paris cũng chỉ được lập sau đó, năm 1661! Những người chỉ tra từ điển thường, đã cố ý bới móc chi tiết với ý bôi xấu, bẻ quặt lịch sử để rơi vào cái bẫy kiến thức chủ quan, thiên kiến hoặc ám ảnh paranoiac! Cuốn A. de Rhodes Người Đầu Tiên Vận Động Pháp Chiếm Việt Nam Và Chữ Quốc Ngữ (11) là một thí dụ điển hình, một thủ thuật khả nghi, vơ địch chính trị làm đồng minh để chống địch tôn giáo, thu góp bài viết mù mờ lý luận, thường đã cũ 30, 50 năm và cũng không cho biết diễn biến tư tưởng các người viết, coi thường độc giả ! Trong nước, sau nhiều "con bão", cái nhìn của người nghiên cứu đã theo sự thật. Mới đây trong Giao Lưu Văn Hóa Và Ngôn Ngữ Việt

Pháp của Viện Ngôn ngữ học do Tòa đại sứ Pháp ở Hà-nội giúp xuất bản, Lý Toàn Thắng đã đánh giá lại sự đóng góp của Alexandre de Rhodes đối với sự thành hình chữ Quốc ngữ kết luận de Rhodes chỉ là người đóng góp một phần và chữ quốc ngữ của ông dù khá hoàn chỉnh vẫn chưa có hình thức như nay, do đó "cũng không thể nói là ông đã kiện toàn hay hoàn thành chữ quốc ngữ" (12) mà nên dành công đó cho Pigneau de Béhaine!

Thật ra chỉ là một tình cờ của lịch sử mà chữ quốc ngữ đã trở thành công cụ cai trị của người Pháp. Phải nói chính người Pháp đã "lợi dụng" thứ chữ lúc đó đã thông dụng trong giới tu hành đạo Thiên-Chúa để làm ngôn ngữ công văn và hành chánh, sau đó người Pháp mới có ý muốn người Việt quên đi văn hóa dân tộc để dễ đồng hoá khi cho dịch Hán Nôm ra quốc ngữ. Và chính người Pháp đã đánh sai dư luận, như Georges Taboulet trong *La Geste française en Indochine* đã viết "Cha Alexandre de Rhodes đưa Kitô giáo và nước Pháp vào Việt Nam" (13). Một loại tuyên truyền chính trị ! Người Việt thiện cận đã không tham chiếu và đã lập lại luận điệu của ... thực dân! Dĩ nhiên có những vị thừa sai thực dân như giám mục Puginier đã tiếp tay cho nước Pháp của họ khi đánh Bắc-kỳ lần thứ nhất, nói là để vinh danh "nước Chúa" thật ra chỉ vì quyền lợi nước họ, hai thế kỷ sau câu viết gây hiểu lầm (ngoan cố) của A. de Rhodes nói trên ! Ngoài ra lịch sử cũng ghi rằng các sĩ quan hải quân Pháp đã ngăn ngại dùng các giáo sĩ trong việc đánh chiếm Nam-kỳ cũng như Bắc-kỳ! Pháp đến để bảo vệ người theo đạo đã trở thành huyền thoại, vì đó chỉ là cái cớ, phương tiện cho mưu đồ xâm lăng của thực dân! Và chữ quốc ngữ đã là công cụ của Pháp, trong thực tế lịch sử cũng không hẳn vậy vì sau vài bước đầu, thực dân Pháp đã thay thế chữ quốc ngữ bằng chữ Pháp trong chương trình giáo dục, chữ quốc ngữ trở thành thứ yếu, "chỉ là ngôn ngữ thông dụng chứ không phải là một ngôn ngữ văn hóa", nói theo Bằng Giang (14). Trương Vĩnh Ký đóng góp cả đời với tin tưởng ở chữ quốc ngữ, trong khi thực dân chỉ lợi dụng chữ quốc ngữ khi cần đến; nhưng cũng nhờ những tiền bối như ông, nếu không nước ta đã rơi vào tình trạng của Phi-luật-tân!

Không những cổ động chữ quốc ngữ, Trương Vĩnh Ký còn có một chủ trương rất dứt khoát về tiếng Việt. Có hai khía cạnh: thứ nhất ông chủ trương dùng tiếng Việt của tổ tiên khởi từ Bắc sau Nam tiến, thứ tiếng tìm thấy trong văn chương truyền khẩu và một số truyện Nôm như truyện Kiều, Phan Trần,... Tức không pha chữ Hán, như thầy giảng Lữ-Y Đoan đã làm với Sấm-truyền ca trước thời Trương Vĩnh Ký. Câu văn cũng được Trương Vĩnh Ký chăm sóc và nêu so sách các văn bản lúc đầu như bài viết trên Gia-Định Báo và Chuyện Đồi Xưa (1866) với các bài viết cuối đời ông sẽ thấy có sự "tiến bộ" tức hợp lý, sáng sửa và dễ hiểu hơn. Chính Phạm Long Điền cũng công nhận tiếng Việt của Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Paulus Của, .. không có nhiều lỗi chánh tả như tiếng Việt trên sách báo trong Nam hồi đầu thế kỷ XX (15)! Các nhà nghiên cứu văn học đã gọi đó là trường phái Trương Vĩnh Ký, đồng thời và sau ông có Nguyễn Trọng Quản, Trương Minh Ký, ... Nhưng bên cạnh có những người Nam viết sai theo nói sai. Chính đó là lý do văn viết trong Thầy Lazarô Phiền dễ hiểu hơn nhưng đã bị trường phái "bình dân" lấn lướt! Mà ngày nay hai khuynh hướng viết ngôn ngữ miền Nam này vẫn còn thấy rõ ở Lê Xuyên, An Khê, Ngọc Linh, Võ Kỳ Điền, Nguyễn Tấn Hưng, Phùng Nhân, ... hoặc Nguyễn Văn Sâm, Hồ Trường An, Kiệt Tân.

4 - Ông đã viết rất nhiều sách báo giới thiệu đất nước và con người Việt Nam, dĩ nhiên bằng tiếng Pháp: Souvenirs historiques sur Saigon et ses environs, Précis de géographie de l'Indochine, Produits de l'Annam, Dictionnaire biographique Annamite, v.v. Ngoài ra ông còn biên soạn nhiều bộ sách khảo cứu bằng tiếng Việt như Đại Nam Tam Thập Nhứt Tỉnh Thành Đồ,... Ông là người đầu tiên làm cái việc mà ngày nay người ta gọi là Việt-Nam-học, sau ông có G. Dumoutier, L. Cadière, v.v. Vì là người đầu tiên làm việc một cách khoa học nên đã bị nghi làm rapport cho "Tây" chăng ? Những công trình này đã được giải thưởng của Hội địa lý Pháp và được "quốc tế" nhìn nhận như những tài liệu căn bản. Tưởng cũng cần nhắc ở đây công diu đất Trương Vĩnh Ký ở bước đầu của một nhà truyền giáo người Pháp, Bovillevaux, người đã có công phát hiện Đế Thiên Đế Thích, Trương Vĩnh Ký vẫn hay nhắc đến với tên Việt "cổ Long" (3), bạn của thân sinh ông thuở sinh thời, trong thực tế là cố đạo duy nhất đã ảnh hưởng lên Trương Vĩnh Ký nếu có!

Việc giới thiệu này của ông đã bị các ông Mẫn Quốc, Phạm Long Điền, ... kết án là cung cấp tài liệu cho thực dân để chiếm hữu lãnh thổ Việt Nam. Đây là nói đến cuốn Chuyến Đi Bắc-kỳ năm Ất Hợi và bản báo cáo đính kèm gửi đô đốc Duperré! Ông Mẫn Quốc kết án ông có "nhiệm vụ đặc phái" làm " gián điệp, tình báo, giòi trong xương giòi ra"(16). Phạm Long Điền kếtÁ: "Chuyến đi Bắc-kỳ của Trương Vĩnh Ký năm 1876 không ngoài mục đích xem xét tình hình để báo cáo tường tận cho Soái phủ Nam-kỳ và từ đó, Soái phủ Nam-kỳ chuẩn bị tiến quân ra Bắc trong một cuộc xâm lăng đại qui mô nhằm đặt toàn cõi Đông dương dưới quyền thống trị của thực dân Pháp" (17). Có thể Trương Vĩnh Ký ngây thơ vì quá thành thật và tự tin vào vai trò trung gian của mình mà không thể ngờ là người Pháp lợi dụng ông chăng?

5 - Phương pháp nghiên cứu của Trương Vĩnh Ký đã khoa học, bằng giả thuyết và văn bản. Đến hậu bán thế kỷ XX bên Âu tây mới có thuyết đề cao văn bản, thế mà Trương Vĩnh Ký ở hậu bán thế kỷ XIX đã xử dụng để nghiên cứu văn học ! Trương Vĩnh Ký đã xử dụng phương pháp khoa học tiến bộ so với phương pháp biên niên sử theo Trung Hoa của thời đó, ông là người đầu tiên biên soạn lịch sử Việt Nam mà lại bằng tiếng Pháp. Hai tập Petit cours d'histoire annamite (Giáo Trình Lịch Sử An-Nam) xuất bản năm 1875 và 1877, cả hai tổng cộng khoảng 462 trang. Tập 1 viết về thời lập quốc đến nhà hậu Lê (2874 AD - 1428), tập sau từ 1428 đến 1875. Ông là người đầu tiên đã chứng minh lịch sử Việt Nam đã khởi đầu từ hơn 4000 năm, theo ông thời xa xưa nhất của lịch sử Việt Nam khởi từ năm 2874 trước Công-nguyên với 20 đời vua Hồng Bàng, 18 đời vua Hùng Vương và đời Thục An Dương Vương (tr. 7-17). Vận dụng, khai thác nguồn văn thư tịch và truyền thuyết, truyện cổ, ông đã dựng cơ sở lịch sử cho thời "huyền sử", ông dựng lại đời sống, con người và xã hội thời xa xưa đó . Theo ông, "các sử gia biên niên xưa nhằm xu nịnh vua chúa, đã đặt ra những huyền thoại để khẳng định thiên mệnh của nhà vua. Còn dân gian thì trong các chuyện truyền khẩu, đã biết ngược dòng thời gian xa xôi trong cái thời điểm mà lịch sử không còn dấu vết, có chăng chỉ còn dấu tích trong các ngọn nguồn thâm sâu huyền hoặc của thần thoại. Người ta không thể coi thường những chuyện kể ở những thời xa xưa, bởi vì mặc dù chúng có khó hiểu, thậm xưng, hoặc không chặt chẽ nhưng người ta vẫn có thể rút ra, từ sự tưởng tượng và cả những nhận thức sai lầm trong đó, những kiến thức về những cái có thể có thực, hoặc ít ra là một phương hướng một dấu vết khả dĩ dùng được để tìm ra sự thực" (18).

Thật vậy, ông đã vận dụng nhiều phương pháp khoa học và là người đi đầu viết lịch sử dân gian thay vì chỉ chú trọng giới vua chúa quan quyền, mà khi viết về mỗi triều đại ông cũng cả viết về đời sống xã hội cũng như các khía cạnh kinh tế, văn hóa, ngoại giao, v.v.. Không bị ràng buộc như các quan sử lịch triều, sống ở đất thuộc địa, lại có một căn bản bác học, nhờ đó ông có cái nhìn tổng quát và chứng tỏ cố gắng khách quan. Khi viết chuyện vua Lê Chiêu Thống chết bên Tàu được liệt để đưa về chôn ở quê nhà, khi liệt người ta đã tìm thấy tim vua còn tươi đầy máu, ông bàn "Đó chỉ là một chuyện bịa đặt không căn cứ, kết quả của những trò phỉnh gạt thô bỉ và phạm thượng ("C'est une invention fantaisiste, le résultat de quelque grossière et profane mystification" (tr. 207). Ông đã luận công tội các triều đại xưa và vinh danh các anh hùng dân tộc. Ngòi bút trở nên đanh thép khi viết về Hai Bà Trưng : "Suốt 149 năm (111 av CN đến 38 CN) nước An nam đã phải chịu đựng cái ách của các viên quan cai trị Trung quốc. Nhưng cuộc đô hộ rồi cũng phải bị tiêu diệt, như tất cả những gì bắt nguồn từ những quá độ của bạo lực: ách đô hộ đã bị bẻ gãy bởi bàn tay của một người phụ nữ"(19). Hay khi xét mặt trái chuyện Sĩ Vương: "Sĩ Vương đã du nhập sang ta nền văn học Trung quốc, cũng như đạo lý Khổng Tử, ép buộc nhân dân An-nam phải tiếp nhận làm của mình, và cấm dùng thứ chữ viết phiên âm đặc biệt riêng của người An-nam. Vì biện pháp nghiệt ngã ấy mà người An-nam đã hoàn toàn mất đi thứ chữ viết riêng của mình". (20). Xét chuyện xưa đưa đến phê phán nặng nề chuyện nay: "Dù người An-nam là công dân của nước Pháp hay của Bắc, Trung kỳ đều có chung một nguồn gốc. Dù bị ngăn chia (với phần còn lại nước Việt) vì vận mạng chính trị, chúng tôi vẫn phải phản đối mạnh mẽ cái chế độ cai trị lầm lạc đã biến dân chúng thành bầy thú của vua, và là một sự bóc lột trầm trọng, có tội với xứ sở". Ông liền ghi chú xin lỗi: "Nhưng xin người đọc đừng giận tôi vì trong tôi tràn ngập một nỗi buồn cay đắng khi thấy đất nước phải ra nông nỗi này, chuyện đáng ra không đáng phải xảy ra"(21). Đây là lần hiếm hoi ông lộ rõ bất bình đối với vua quan Tổng-nho nhà Nguyễn. Bộ Đại Nam Việt Quốc Triều Sử Ký xuất bản sau (1879) (8) cũng được viết ngoài vòng cương tỏa của triều đình nhà Nguyễn, như bộ của Trương Vĩnh Ký, nhưng bộ sử của họ Trương có cái nhìn quán triệt và tổng quan hơn nhiều! Cụ Nguyễn Văn Tố trong bài tiếng Pháp "Petrus Ký" trên tập Kỷ yếu của Hội Trí tri Bắc-kỳ năm 1937 đã dành 10 trong 42 trang để phân tích và phê bình cuốn sử này, đã đề cao phương pháp sử có cơ sở: ".. Đã đến lúc tính uyên bác Nam kỳ thay thế cho những quyển sách cũ kỹ ấy, đến lúc đó loại trừ, một mặt, tất cả những thứ tạp nhạp gọi là thông tin mượn ở sách vở Trung quốc và mặt khác dành một vị trí xứng đáng cho những dữ kiện chính xác và phong phú rất mực do sử ký ta cung cấp" (22). Trương Vĩnh Ký cũng đã để lại một bản thảo Truyện Đất Nam-kỳ lịch sử Đàng Trong bằng chữ quốc ngữ viết năm 1864 "xung tụng các chúa Nguyễn bằng vua"(23). Ông còn tỏ ra là một nhà ngôn ngữ học thông thái, với những công trình nghiên cứu về ngôn ngữ Việt, á-đông và nhiều nước như Étude comparée sur les langues, les écritures, les croyances et les moeurs de l'Indochine, Analyse comparée des principales langues du monde, v.v. Những công trình được nhiều nhà nghiên cứu Việt và Âu-Mỹ đánh giá cao như J. Thomson trong Dix ans de voyages dans la Chine et l'Indochine (1873), J. Bouchot trong Un savant et compatriote cochinchinois: Petrus J.B. Trương Vĩnh Ký (1925), cả nhà ngữ học Cao Xuân Hạo trong nước qua bài "Trương Vĩnh Ký trong lịch sử ngôn ngữ học VN". (24).

6 - Nhưng trên hết, qua sự nghiệp để lại, Trương Vĩnh Ký đã chứng tỏ có chủ trương làm công tác văn hóa cho dân tộc. Nổi tiếng bác học quốc tế, tinh thông hơn hai chục sinh và

tử ngữ, ông lại cổ võ luân lý Nho giáo, ông là người có nhiều ấn phẩm về đạo lý hơn các nhà văn hoá tiền phong chữ quốc ngữ khác như Huỳnh Tịnh Paulus Của, Trương Minh Ký. Hành trạng của Trương Vĩnh Ký là của một con người trí thức, ngoài những chức chính thức khi làm việc với Pháp, suốt đời cặm cụi vì văn hóa, có khi trong những hoàn cảnh khó khăn về tài chính và cô đơn không được người đồng thời thông hiểu cho, còn người Pháp dĩ nhiên lợi dụng hơn là hợp tác về văn hóa! Trong Sĩ-Viện Thư-Phổ tức Catalogue sách xuất bản của ông in năm 1894, ông đã bày tỏ tư duy của mình, một ý tưởng dẫn đạo công việc của ông : "Vi cũng nghĩ thế cục ngày nay như những lớp sóng xô tình người đến chỗ phụ nghĩa, chính đạo mỗi ngày một suy đồi, thuần phong mỹ tục ngày càng bị buông xuôi" (25). Trái với ngộ nhận của nhiều người, ông không hề dịch sách Pháp ra quốc ngữ và không hề giới thiệu văn hóa Pháp; có chăng là ông giới thiệu văn hóa và đất nước Việt Nam bằng tiếng Pháp. Ông cũng là soạn giả nhiều cuốn tự điển đã xuất bản hoặc mới in thạch bản. Ông giới thiệu địa lý, lịch sử văn hóa của Việt Nam với hy vọng người Pháp hiểu dân tộc nhược tiểu bị trị hơn. Ông không hề khuyến khích, cổ động đồng bào ông học tiếng Pháp, theo văn hóa và phong tục ngoại lai. Suốt đời dù làm với Pháp hay không, ông chỉ mặc bộ áo dài thuần Việt! Thông hiểu chuyện thế giới, nhìn thấy sự tiến bộ về khoa học và kỹ thuật của người, ông đã có sẵn kết luận cho dân tộc ông, con đường mà ông đã vạch và đi đến cuối đời. Hợp tác với chính quyền thực dân nhưng con người và tâm hồn ông vẫn gắn chặt với đất nước, tổ tiên, ông vẫn coi mình là đồng bào với người Trung Bắc. Ngược lại, Trương Vĩnh Ký luôn đề cao và phổ biến đạo lý đậm truyền thống dân tộc. Khi làm việc lãnh lương của chính quyền Pháp, như khi làm Gia Định Báo, ông lợi dụng để phổ biến thơ văn yêu nước, phiên âm ra quốc ngữ - nhờ đó mà thơ văn này có thêm dịp may lưu lại cho hậu thế. Vào cuối đời, hết được người Pháp trọng dụng, ông vẫn bền chí biên soạn sách vở và trực tiếp lo việc xuất bản. Năm 1888, Trương Vĩnh Ký xuất bản tạp chí Thông Loại Khóa Trình (Miscellannées ou Lectures instructives pour les élèves des écoles primaires, communales, cantonales et les familles - bìa tiếng Pháp nhưng ruột tựa và bài vở quốc ngữ, để dễ qua mắt thực dân chẳng?) với mục đích cổ động phong hóa cũ, phổ biến văn hóa dân tộc kể cả văn thơ chống Pháp của Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Tri Phương, Bùi Hữu Nghĩa,... nhưng thiếu vốn, tạp chí chữ quốc ngữ tư nhân đầu tiên đó chỉ ra được 18 số (tháng 5 đến 10-1889). Từ số 4 tăng từ 12 lên 16 trang, ngoài TVK ra còn có Huỳnh Tịnh Paulus Của, Trương Minh Ký, Trần Chánh Chiểu, Lương Khắc Ninh,... Mỗi số giá 60 xu thời bấy giờ bằng giá một tạ lúa, bưu điện chưa có, người mua phải đến tận Chợ Quán để mua!

Trương Vĩnh Ký dịch trọn bộ Tứ Thư, Ngũ Kinh nhưng đến khi qua đời mới chỉ xuất bản được hai cuốn là Đại Học và Trung Dung (1889) của bộ Tứ Thư. Còn hai cuốn Luận Ngữ và Mạnh Tử chỉ mới in ở dạng thạch-bản. Trong khi Võ Phiến đề cao Phạm Quỳnh trừu tượng hóa tiếng Việt thì giáo sư Nguyễn Văn Trung đã thán phục Trương Vĩnh Ký đã dịch cả phần siêu hình học trong khi ngôn ngữ ta đó chưa có sẵn chữ (26)! Trương Vĩnh Ký chăm sóc ra bộ học báo Thông-L loại Khoá-Trình để phổ biến văn hóa và thơ văn dân tộc, cả thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu, Bùi Hữu Nghĩa, Nguyễn Tri Phương, Phan Văn Trị,... Bằng Giang trong Sương Mù Trên Tác Phẩm Trương Vĩnh Ký sau khi lược qua cuốn Sơ Học Vấn Tân của Trương Vĩnh Ký đã thú nhận : "Đọc hết tác phẩm, người ta tưởng tác giả là một nhà Nho chính tông chớ không phải là một người thuộc đạo dòng (Thiên-Chúa giáo)" (27). Trương Vĩnh Ký có cái nhìn tổng hợp, ông muốn dung hòa cũ mới . Theo ông, "học thì chẳng phải là học cho biết chữ, cho thuộc tiếng mà thôi,

mà lại phải học nghĩa lý, phép tắc, lễ nghi, cang thường luân lý là giềng mối mà xử trí trong việc ăn ở trong đời với thiên hạ ấy là lịch là thanh. Nên phải do cụ từng tâm mới là phải, chẳng nên mới chuộng cũ vong mà mang tiếng yếm cụ nghinh tân..." (28). Để nhấn mạnh cái nhìn tổng hợp cần thiết cho người Việt Nam này mà khi xây trường trung học mang tên ông ở Sài-Gòn đã có câu đối được khắc trước cổng (nay đã bị Hà Nội đục bỏ)Á: "Khổng Mạnh cương thường tu khắc cốt / Tây Âu khoa học yếu minh tâm". Một lời nhắn nhủ khác, ghi lại ở đầu sách Petit cours d'histoire annamite, nhắm kẻ hậu sinh : "Cho học trò các trường đất Nam-ki. ó các trò trai, ta xin kiếng sách này cho các trò vì làm nó ra là làm cho các trò coi (...). Đến sau, khi anh em học đã thành tài, biết bắt, biết hạch được, thì xin hãy dong thừ cho kẻ lớp trước anh em, vì những kẻ ấy thườ trước chẳng có được những phương tiện mà học-hành như anh em bây giờ nhờ..." (tr. 4).

Ông lại chứng tỏ tài cao về chữ Nôm lúc bấy giờ chưa có tự điển và gần như ai viết sao thì viết. Chính Nguyễn Văn Tố trong lời Tựa cuốn Trương Vĩnh Ký của Lê Thanh đã ghi nhận: "Những truyện nôm như truyện Kiều truyện Phan-Trần, mà ông dịch ra quốc ngữ đầu tiên, tất cũng có chữ sai, nhưng không nên vin vào đấy mà phê bình, vì chữ nôm của ta là một thứ chữ không có tự điển, mỗi người viết một cách, khó lòng đọc cho đúng ngay: thử lấy một quyển nôm nào chưa ai dịch ra quốc ngữ mà đọc xem, có lắm chữ không tài nào đọc nổi, thế mới biết cái tài học của Trương Vĩnh Ký đáng tôn trọng, đáng kính phục biết bao nhiêu". Cả về chữ Hán : "Về Hán văn ông có dịch bộ Tứ thư và quyển Minh Tâm bảo giám ra quốc ngữ, kể cũng có công với Hán học khi gần tàn, và tỏ ra là một nhà nho gồm cả văn học Âu Á, mà vẫn giữ được tính cách người Đại Nam" (29). Cụ Nguyễn Văn Tố cũng như Lê Thọ Xuân ở trong Nam vốn là những học giả uyên bác. Riêng về cụ Nguyễn Văn Tố, nhà văn Võ Phiến xếp vào lớp nhà phê bình "chỉ nói cái sai cái quấy" (30) tức không bao giờ khen ai (!). Vậy mà cụ Nguyễn Văn Tố đã khen Trương Vĩnh Ký đủ bèo! Xin đừng suy diễn rằng cụ Tố cũng lãnh lương Pháp vì làm việc tại trường Viễn-đông bác-cổ (EFEO)!

7 - Trương Vĩnh Ký in thạch bản cuốn Vân Tiên Chú Giải năm 1887 để dùng ở trường Thông ngôn, sau đó cuốn Lục Vân Tiên Truyện phiên âm được xuất bản năm 1889, với quảng cáo "bản nhỏ, bán rẻ tiền cho người ta mua mà coi, chính chữ lại không sai chạy nguyên bản" (31). Người nay nêu ba vấn đềÁ: Trương Vĩnh Ký là người đầu tiên phiên âm Kim Vân Kiều Truyện năm 1875, 14 năm trước cuốn Lục Vân Tiên. Tại sao? Phạm Long Điền trong bài báo trên Bách Khoa đã dẫn kết án Trương Vĩnh Ký "có chủ đích chánh trị núp dưới chiêu bài văn hóa" khi in cuốn Kim Vân Kiều Truyện diễn quốc ngữ năm 1875, 14 năm trước phiên âm cuốn Lục Vân Tiên (1887). Theo ông Phạm Long Điền, Trương Vĩnh Ký đã không nhìn thấy sự tiêu biểu văn hóa của truyện Lục Vân Tiên trong Nam cũng như niềm hãnh diện người của vùng đất quá mới với chốn "ngàn năm văn vật" mà đã "lại tiếp nhận đũa con tinh thần của đất Bắc để rồi Kim Vân Kiều Truyện diễn quốc ngữ ra chào đời đúng một năm trước khi họ Trương lên đường thăm sĩ phu đất Bắc trong một chuyến đi đầy bí mật...". Thứ hai, Phạm Long Điền lại thêm lý luận Trương Vĩnh Ký hay Tôn Thọ Tường muốn đề cao Kiều vì thân thế "đáng thương hơn đáng trách". Như lời Tôn Thọ Tường vịnh Kiều "Đề lòng thiên cổ thương rồi trách / Chẳng trách chi Kiều, trách Hoá công" (32). Và sau cùng, theo họ Phạm, Trương Vĩnh Ký xuất bản Kim Vân Kiều trước để chuẩn bị chuyến đi Bắc Kỳ năm sau, 1876! Thuần suy diễn ! Chúng tôi chỉ thấy qua toàn bộ sự nghiệp, Trương Vĩnh Ký vẫn tự hào là người

Việt, yêu văn chương và văn hóa dân tộc, yêu tiếng Việt của Kim Vân Kiều, đến cả quên phiên âm Lục Vân Tiên của miền Nam yêu dấu của ông cho ... hậu sinh như ông Điền hải lòng. Trương Vĩnh Ký xuất bản "trữ" có thể vì đã có bản phiên âm năm 1873 của G. Janneau (Paris) và bản dịch ra tiếng Pháp năm 1864 của Aubaret ! Tuy ra sau nhưng chính bản phiên âm của Trương Vĩnh Ký mới là bản đã góp phần đáng kể trong việc san định văn bản Lục Vân Tiên xuất bản hiện nay. Họ Phạm quên giáo sư Nguyễn Văn Trung của ông, trong Chữ Văn Quốc Ngữ Thời Kỳ Đầu Pháp Thuộc lúc đó (1974) đã lý luận rằng thực dân Pháp dùng chữ quốc ngữ có ích cho công việc cai trị hành chánh của họ mà còn ích lợi cho việc phục vụ mục tiêu xâm lược tinh thần người bản xứ (33). Trương Vĩnh Ký có thật đi chung đường với thực dân đâu!

8 - Trương Vĩnh Ký còn có công đem hạt giống những cây ăn trái từ "Miền Dưới" tức Mã Lai, Nam Dương và Java như chôm chôm, sầu riêng, măng cụt măng cầu, ... đem về trồng trước hết ở Cái Mơn (Vĩnh Long) miền quê ông. Trong thời gian sáu năm tu học ở Penang, mỗi lần hè về thăm mẹ, ông đã có dịp đem trái cây "Miền Dưới" về, hạt sanh cây, một uơng hai, sau nhiều năm đã thành đặc sản miền lục tỉnh. Đây là một việc có thể chính Trương Vĩnh Ký cũng không ngờ đến. Ông Quán Phong trong một bài báo (34) đã kể rõ công của họ Trương đối với nhà nông nhà vườn Nam-kỳ lục tỉnh ! Trong khi đó có những nhóm nói bâng quơ suy luận đã do các nhà buôn Nam Dương, Mã Lai đem sang mà không hề trích dẫn văn liệu! (35).

9 - Trương Vĩnh Ký đã là một "tay sai" đắc lực cho Pháp ? Trên đã bàn qua, nay thêm vài chi tiết: Khi Trương Vĩnh Ký ra Huế được vua Đồng Khánh sắc phong chức Cơ Mật Viện Tham-tá ngày 12-4-1886, sau thêm chức Hàn Lâm Thị Giảng Học Sĩ dạy vua tiếng Pháp. Ông ra Huế vì tình bạn với Paul Bert tổng-trú-sứ lưỡng kỳ (Bắc và Trung-kỳ) mới được bổ nhiệm lúc bấy giờ (8-4-1886). Trước khi nhậm chức, Paul Bert đã gặp Trương Vĩnh Ký, nhờ cả ông soạn giùm bài hịch (thư 22-3-1886) mà cuối cùng chính họ Trương đọc trước Vua, trình bày 7 điểm để cứu vãn tình hình bất an gay cán giữa Pháp-Việt và lương-giáo! Nhưng vị toàn quyền muốn áp dụng chính sách trấn an hơn là độc trị gây ra kháng chiến Hàm Nghi này không tại vị lâu, ông mất mấy tháng sau đó, ngày 11-11-1886. Trương Vĩnh Ký nay như có vai trò dòm ngó hành tung triều đình để báo cáo cho Pháp, nên ông từ chức trở về quê nhà sống thanh bần ở Chợ Quán, cho đến khi qua đời, 1-9-1898. Từ ngày 5-10-1886, Trương Vĩnh Ký đã viết thư cho Paul Bert từ Sài-Gòn và ông toàn quyền này hiểu con người họ Trương đã phải mời ông trở ra Huế. Trương Vĩnh Ký chỉ thật sự ở Huế sáu tháng. Huế, nơi lúc đó Tống Nho cực thịnh, quần thần bắt chước đàn anh Trung Hoa khinh rẻ người theo Âu-tây (bạch quỷ) hoặc biết tiếng lang-sa, nơi sẽ bỏ thi Hương sau cùng, hơn 20 năm sau Nam-kỳ và 4 năm sau Bắc-kỳ Ông bỏ về Sài-Gòn viết sách, do tự ý chứ không phải vì bị bó buộc hay cách chức như nhiều người nghĩ (36). Có chăng là Paulin Vial vốn là thượng cấp của Trương Vĩnh Ký ở Nam-kỳ và không ưa ông, ngày 11-12-1886 đã viết thư chỉ thị Trương Vĩnh Ký phải báo cáo về 6 tháng làm việc cạnh vua và nhấn đừng trở ra Huế nữa : "... Tốt hơn là ông không nên trở ra Huế nữa vì xét về mặt quyền lợi của đất nước thì thiết yếu nước Pháp phải được thay mặt ở thủ phủ ấy bằng một người duy nhất, đại diện chính thức, mà không có nhân vật nào khác ở bên cạnh vị đại diện ấy để hưởng một thế lực, có lúc sẽ ảnh hưởng trái ngược trở lại trên người đại diện chính thức ấy". Vua Đồng Khánh ban cho Trương Vĩnh Ký biệt hiệu Nam Trung Ân Sĩ và vẫn trao đổi thư từ với ông đến khi vua mất, 25-12-1888!

Paul Bihourd và Noel Pardon toàn quyền kế nghiệp Paul Bert cũng như xử lý Paulin Vial đều không dùng Trương Vĩnh Ký, vì họ không tin ông. Trương Vĩnh Ký thân thiết với Paul Bert và theo thuyết ông này chủ trương hoà hoãn, bình định, trong khi những người Pháp khác chỉ muốn áp đặt guồng máy thống trị toàn cõi Việt Nam! Như vậy, người Pháp dùng Trương Vĩnh Ký nhưng thường vẫn ngại ông. Joseph Chailley-Bert trong cuốn Paul Bert au Tonkin (37) viết về Trương Vĩnh Ký : "Đề thêm người làm việc cho vua, Paul Bert đã cho vào Cơ Mật Viện một nhà trí thức nổi tiếng của nước Nam-kỳ thuộc địa tên Trương Vĩnh Ký. Đây là người vẫn được người Pháp bàn tán tranh cãi đặc biệt và có những ý kiến quá trớn" . Phải chăng quá trớn cho quyền lợi Pháp? Trong một văn thư gửi toàn quyền Noel Pardon, văn thư cuối cùng liên hệ với cầm quyền Pháp, họ Trương trình bày những ưu tư và giải pháp ông nghĩ để giải quyết những rối loạn ở Đông dương! Nhiều lần Trương Vĩnh Ký đã tận dụng chức vụ để bày tỏ với người Pháp những ưu tư của ông đối với người dân thường, như trong tường trình ngày 28-4-1876 về Bắc kỳ, tường trình vốn bị nhiều người lên án làm chỉ điểm cho Pháp chiếm Bắc-kỳ sau đó. Ông ưu tư trước hiểm họa chiến tranh hao người tốn của như cụ Phan Thanh Giản trước đó đã bày tỏ qua cử chỉ nộp thành và quyên sinh! Biết thua thiệt, nên "bất cương chớ cương làm chi" (tựa sách viết năm 1882), do đó ông muốn dựa vào kẻ mạnh khoa học và giáo dục, hầu mong dân nước mình tiến bộ theo! Hơn nữa, khác với Phạm Quỳnh, Trương Vĩnh Ký không bao giờ kết án những người Việt chọn con đường yêu nước võ trang chống Pháp và cũng không hề nịnh hót chính phủ thuộc địa để được quyền lợi vật chất.

Người Pháp đã không "bằng lòng" về Trương Vĩnh Ký nhiều lần khác. Như khi ông lo cho học sinh được triều đình Huế gửi vào Sài-Gòn học trường thông ngôn, có người đã nghi ông "phản" Pháp và chăm lo cho triều đình Huế, viên thông đốc Nam-kỳ lúc đó chỉ trả lương chức Đốc học cho ông và có khi còn bày trò trả lương trễ cho ông! Chính những trò đời này và ông dư sức đã hiểu tâm địa người Pháp sau một thời gian "hợp tác", cho nên sau đó cho đến chết ông sống thanh bản, lo viết và in sách để phổ dương văn học và văn hóa Việt Nam.

Ở đây xin ghi sai lầm, xuyên tạc của ông Đỗ Mậu trong Tâm Thư khi ông này tố cáo "vai trò cố vấn bí mật của ông ta (Trương Vĩnh Ký) do cha đỡ đầu là Paul Bert trong cuộc "đánh lừa chiến lược" với quan lại chóp bu của triều đình Tự Đức trong chuyến công du Bắc-kỳ 1876, tạo điều kiện cho bọn Pháp đánh chiếm Bắc-kỳ lần thứ hai..."(38). Đỗ Mậu ghi là viết theo tài liệu của Đỗ Quang Hưng. Ông Mậu xuyên tạc vì trong tài liệu của ông Đỗ Quang Hưng (39), không thấy viết như thế. Sau nữa, ông Mậu sai lầm lớn, vì năm 1876, Paul Bert còn ở Pháp, đến 1886 mới qua Đông-dương và khi ở Pháp Paul Bert làm hội viên viện Hàn Lâm và là nghị sĩ, không làm linh mục và từng là người chống giáo-hội Thiên Chúa Giáo vì ông theo phe Cách mạng Ô nên khi qua nhận chức mới, ông chủ trương không thiên vị người theo đạo Thiên Chúa vì phải bảo vệ tự do tôn giáo cho mọi người! Và theo ông, nếu một số nước Âu châu tiến chiếm thuộc địa các nước khác thì đó là những quy luật tất yếu của lịch sử (40). Và chẳng Bắc-kỳ đã bị Pháp chiếm năm 1885 sau khi đã ký hoà ước Giáp Thân 1884! Có chăng là vua Đồng-Khánh du hành ra các tỉnh Bắc Trung-kỳ và bị nghĩa quân nhiều lần uy hiếp phải trở về sớm, Trương Vĩnh Ký có đi theo hay không chưa thấy văn liệu xác nhận!

10 - Trương Vĩnh Ký tin đạo Thiên-Chúa nhưng không hề theo đạo mù quáng, nhất là khi đụng đến quyền lợi tổ quốc. Trước việc cấm đạo, ông đã lên tiếng : "Người An-Nam đâu có thù ghét đạo Gia-Tô! Họ chỉ bất bình và phản đối những hành vi quá mức của một số linh mục dựa vào sự che chở của quân đội và chánh quyền Pháp-lang-sa, để tiếp tục thi hành những việc bạo ngược. Bởi vì, xét cho kỹ, Gia-Tô giáo và Phật giáo chẳng khác nhau bao nhiêu" (41).

Trương Vĩnh Ký cũng không xin theo quốc tịch Pháp hay ân huệ như những người cộng tác lớn khác. Trong một thư ông trả lời bạn: "Đại phẩm văn minh là ở tinh thần, chứ không ở vật chất. Ta muốn văn minh như người Tây thì cốt hết là phải luyện lấy tinh tâm trí não để bỏ lấy tinh thần văn minh, chứ nếu tâm não ta vẫn hủ bại dã man, mà ta chỉ ghé cái danh hiệu vào sổ văn minh, khoác cái y phục của người văn minh, đó là giả dạng văn minh, thì tôi e rằng không xứng đáng, và có điều bất lợi về sau nữa (...) Và chẳng mỗi nước riêng một tộc loại và để duy hệ tinh thần. Nước Nam ta tổ tiên Hồng Lạc (...) gia phả truyền lại bốn ngàn năm nay, nhứt đản ta dân tịch theo Tây, phục sắc theo Tây, biến hết làm tây, không còn cái dấu tích chi là người Nam nữa, đó ta là loài Tịch Đàm vong tổ, rồi tới đời con cháu ta nó theo cái gia phả mới của ta mà đốt quách cái gia phả cũ của tổ tiên đi, quên đứt là người Nam, thì giống ta còn cũng như mất, mà cái gương diệt chủng tự ta treo lên trước. (...) Người ta sẽ cho tôi là nhu nhược, nhút nhát; tôi đã làm như vậy vì tôi sợ muốn thoát thân ra khỏi một hoàn cảnh khó khăn. Vào dân Tây tôi sẽ mất hết uy tín, uy lực của tôi và đã mất hết tín nhiệm của Vua, của triều đình và của đồng bào tôi. Không lý trời sanh tôi ra là con quạ, bây giờ biểu tôi thì một hai nói tôi là con cò sao đặng? Nên là điều trái tự nhiên hết sức" (42). Trong một thư trả lời Blamesudé, Trương Vĩnh Ký còn viện dẫn lịch sử, phong tục và luật pháp để giải thích thêm. Ông Mẫn Quốc trong bài viết trên Nghiên-cứu Lịch-sử (43) của Hà-nội thì cắt trích dẫn rồi suy diễn cho là Trương Vĩnh Ký khôn ngoan không theo quốc tịch Pháp vì sợ mất uy tín với vua quan ta và không phục vụ được cho Pháp!

Trương Vĩnh Ký cả cuộc đời làm báo, soạn sách, để lại khoảng hơn trăm tác phẩm lớn nhỏ. Ông làm những việc đó toàn thời gian cả cuộc đời trong khi ông lãnh lương của Pháp khoảng 20 năm. Về chính trị ông đã cô đơn; nhưng ông đã làm với lòng yêu nước, muốn nước được hùng mạnh, dân tộc được trường tồn. Mặt khác, lúc bấy giờ thực dân Pháp muốn xử dụng chữ quốc ngữ như là công cụ, phương tiện đô hộ; nhưng ông cũng như Huỳnh Tịnh Paulus Của và các vị tiền bối khác lại tận dụng kẻ hở đó để gây dựng một nền văn học hiện đại. Đi xa hơn trong thái độ tìm hiểu tiền nhân đã làm gì trong những hoàn cảnh đặc biệt thì tốt, nhưng nếu phê bình gay gắt họ, thì ai sẽ phê phán những cá nhân và tập thể đã nhận viện trợ hoặc chịu áp lực của Hoa Kỳ, Trung-quốc, Liên Xô, Pháp để đè nén nhân dân, gây chiến tranh chống những đế quốc nghịch thù qua anh em mình hoặc để làm những việc gọi là "làm mới" văn học? Và thế nào là yêu nước? Lịch sử sẽ luận xét sự "yêu nước" của tất cả, từ những vị Cần vương, Văn thân Tổng Nho tổ chức chống Pháp, chống chữ quốc ngữ, từ những Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Trường Tộ, ... tích cực xông xáo với khả năng và cơ hội, Trần Chánh Chiếu, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh,... chủ trương minh tân và duy tân, đến các nhà cựu học Đông-Kinh nghĩa thực chủ trương dùng chữ quốc ngữ, hoặc Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, v.v. !

11 - Hạ giá Trương Vĩnh Ký có Phạm Quỳnh. Cùng nãi trạng với Phạm Duy Tồn kỳ thi và tự hào văn hóa ngàn năm văn vật đối với người đất mới, vô Nam làm báo viết bài trên Lục-tinh Tân-văn chê nhà văn nhà báo trong Nam như Lê Hoàng Mưu, Tân Dân-Tử,.. đã bị họ phản đối. Riêng Phạm Quỳnh có thể vì ghen tương hay nghe lời quan thầy người Pháp, trong bút ký "Một Tháng Ở Nam-kỳ", đã viết về Trương Vĩnh Ký : "Nay có một ông Nam-kỳ bàn về các vấn đề ấy một cách rất kỳ khôi đọc đến không thể nhin cười được tuy lời lẽ có lắm chỗ quá đáng "nôm na là cha mách quẻ"... Ông Trương chẳng qua là một nhà làm sách giáo khoa thường cho con nít học mà thôi đã có công gì với Tổ quốc. Chẳng dám khinh gì người trước nhưng những danh sĩ nước Nam cứ như ông Trương cả thì cũng không lấy gì làm vẻ vang cho nước lắm" (44). Ngài chủ bút Nam-Phong tạp-chí cũng làm báo cho Pháp, hơn nữa lại làm cho trùm mật thám Đông-dương là Louis Marty, ngài đã tổng quát hóa cái viết của người Nam vốn có hai trường phái một bình dân viết theo lối đang nói, và một theo trường phái Trương Vĩnh Ký, viết đúng tiếng Việt của ông bà từ Bắc theo nam-tiến (8). Khoảng năm 1934, trên tờ Phụ-Nữ Tân-Văn có cuộc tranh luận về chữ viết của người Nam, nhà văn Phan Khôi đã tuyên dương lối viết tiếng Việt của trường phái Trương Vĩnh Ký và chê lối viết Nam "bình dân" kia sai lầm. Và không lẽ ngài họ Phạm quên Trương Vĩnh Ký từng được quốc tế tuyên dương là nhà bác-học từ năm 1874, chưa kể những huân chương nhiều nước (khác ngoài Pháp) và là hội viên nhiều hội chuyên gia quốc tế !

Phạm Thế Ngũ trong Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên: Văn Học Hiện Đại 1862-1943 (1963) đề cập một cách sơ sài về cái mà ông gọi là "sự manh nha văn quốc ngữ ở Nam-kỳ". Theo giáo sư Phạm, hai ông Pétrus Ký và Paulus Cửa là những "vì sao mọc quá sớm... đóng lên những tiếng chuông có giá trị song "điệu cao họa quả", họ đã "làm tài liệu cho một nền học Việt Nam, nhưng nền học này đã không được thiết lập nên công việc ấy bị bỏ rơi". Lý do vẫn theo ông, "vì Nam-kỳ không hiến hoàn cảnh thuận lợi cho sự phát triển của văn học, nhất là văn học quốc gia". Giai đoạn "manh nha" này đã chỉ "đề xướng lên những công việc mà rồi nhóm Nam Phong ngoài Bắc tiếp tục" nhưng đã "làm được mt việc mà nhóm Nam-phong không dám làm, ấy là cuốn tự vị Việt Nam", rằng "quốc văn do đó trong nhiều năm về sau ở Nam Kỳ chỉ bày tỏ trong hình thức báo chí phổ thông, với trình độ trí thức khá ấu trĩ hoặc ở tác phẩm tiểu thuyết cho một công chúng hạ lưu dễ dãi" (45). Cái "manh nha" đó thật sự đã gây thành nếp, thành phong trào mà chúng tôi đã có lần chứng minh trong bài "Miền Nam khai phóng" (46). Và hoàn cảnh mà giáo sư Phạm nói đó, thật ra một phần do người Pháp khi họ chuyển nền cai trị thực dân ra Hà Nội, lập phủ Toàn quyền, trường Viễn Đông Bác Cổ (EFEO) và viện đại học, vì người Pháp đã hiểu người Nam-kỳ tuy học tiếng Pháp và có vẻ chịu đồng hóa nhưng trong thực tế người Nam-kỳ rất thủ cựu dân tộc chủ nghĩa. Theo thiện ý giáo sư họ Phạm đã tỏ ra khá chủ quan và hẹp hòi địa phương khi cho rằng "Nam-kỳ không hiến hoàn cảnh thuận lợi cho sự phát triển của văn học, nhất là văn học quốc gia"!

Giáo sư Nguyễn Văn Trung thời trước 1975 cũng theo quan niệm chung đó, đã nghiêm khắc phê phán tác phẩm văn học thời Pétrus Ký là "nghèo nàn", ngưng đọng, vì các Pétrus Ký, Paulus Cửa chỉ là những viên chức ăn lương của thực dân để thực hiện chính sách "văn hóa, báo chí, giáo dục của thực dân", lợi dụng chữ quốc ngữ và văn học chữ quốc ngữ cho việc "trực trị và đồng hóa". Dù vậy ông cũng đã nhìn nhận Pétrus Ký "có tư cách hơn ... vì làm chính trị thì làm một cách kín đáo, còn làm văn hóa thì chỉ làm văn

hóa thuần túy trong chính sách của thực dân, không như Phạm Quỳnh hay Tôn Thọ Tường" (47). Trong khi việc người Pháp cưỡng bách dùng chữ quốc ngữ chỉ vì người Pháp muốn tiêu diệt truyền thống đạo lý, luân thường xuất phát từ sách vở Nho học, người Pháp sợ những sách này nhắc nhở ý thức về đạo lý dân tộc trong đó có lòng ái-quốc! Trong Nam, người Pháp dùng báo chí chữ quốc ngữ để thông tin, cai trị, nhưng những người cộng tác như Trương Vĩnh Ký có đầu óc khai-phóng, thức thời, đã lợi dụng để đặt nền móng cho văn học chữ quốc ngữ. Các nhà nghiên cứu văn học của Hà Nội như Mẫn Quốc, Tô Minh Trung, Hồ Song, Nguyễn Anh, Hoàng Văn Lân, Trần Huy Liệu,... ở trong quỹ đạo "yêu nước", chống "đê quốc" và vinh quang thắng Pháp thời trước 1975, thắng Mỹ trước Đổi Mới 1986, không thể có lời lẽ tốt và công bằng hơn với Trương Vĩnh Ký ngoài luận điệu xem Trương Vĩnh Ký là "tên tay sai đắc lực", là "một nhân vật phản diện điển hình của nhân dân ta" (36) hay "phản quốc, làm đặc vụ, tay sai, tình báo cho địch" "giòi trong xương giòi ra" (16)! Trong cùng chiều hướng tô cáo và xóa bỏ, Phạm Long Điền và Nguyễn Sinh Duy (48) sau mấy bài báo trên Bách Khoa đã xuất bản Cuốn Sổ Bình Sanh Của Trương Vĩnh Ký đầu năm 1975. Hai ông xóa toàn bộ sự nghiệp văn hóa của Trương Vĩnh Ký vì theo hai ông các tác phẩm của Trương Vĩnh Ký phục vụ cho quyền lợi của Pháp. Một trong những lý luận là sách Trương Vĩnh Ký được người Pháp mua cho, bình tâm mà xét thì cũng thường, và lại hai ông quên bộ Thông-L loại Khoa-Trình mà Trương Vĩnh Ký chăm chút đã phải đình bản vì thiếu nợ nhà in. Sau 1975 không thấy hai ông lên tiếng, chỉ biết hai ông là sinh viên của giáo sư Nguyễn Văn Trung và nhà xuất bản Nam Sơn đã in sách hai ông. Hai bài báo nói trên khiến ông Vương Hồng Sển đau lòng, "lấy làm tội nghiệp cho nhà học giả tiền bối miền Nam, chết được dựng tượng, mà nay có trẻ nhỏ dám đèn đái dưới gốc chân tượng" (49) (Có người trích lại câu này và cắt nghĩa theo nghĩa đen mà không hiểu trẻ nhỏ là họ Vương ám chỉ hai ông họ Phạm và Nguyễn kia !). Cùng chiều hướng này nhưng động cơ có thể "đa diện" hơn, có ông Đỗ Mậu từng làm ủy viên (bộ trưởng) và phó thủ tướng "văn hóa" của đệ nhị cộng hòa, gần đây về nước lên đài truyền hình, đã gọi Trương Vĩnh Ký là "tên đại phản quốc, một tên Việt gian dùng văn hóa, báo chí giúp thực dân Pháp thống trị Việt Nam" (50). Ở hải ngoại còn có các nhà khoa bảng nhóm Giao Điểm, "sử gia" Vũ Ngự Chiêu và "tác giả" Lê Trọng Văn! Trong nước, người cộng sản vốn chỉ có một thái độ hạ bệ Trương Vĩnh Ký vì mặc cảm (!) với dân Nam-bộ, vì dị ứng với chuyện "yêu nước" theo chủ trương của họ, nên đã hạ tượng, xóa tên trường, nhưng nay đã có những tiếng nói tuy rời rạc nhưng đã có, của Sơn Nam, Nguyễn Văn Trấn, Nguyễn Đình Đầu hay của Nguyễn Văn Hoàn của Viện văn học là người đã phát biểu rằng Trương Vĩnh Ký là "một nhà văn hóa lớn không chỉ riêng của Nam-kỳ" và đã nhìn nhận rằng "bộ phận văn học quốc ngữ đã phát sinh và phát triển trong một không gian chính trị - xã hội phức tạp... "!

Trần Chánh Chiếu chủ báo Lục-Tinh Tân-văn và là người từng vận động phong trào Minh Tân sau lại hỗ trợ cụ Phan Bội Châu đã viết về Trương Vĩnh Ký khi hô hào dựng tượng - về sau bị Pháp can thiệp "lấy lại" chủ động: "Ông này khi sanh tiền tuy là nhà nước tin cậy mặc dầu chớ chẳng hề ý thể mà hại quê hương, chỉ vẽ cho các quan Lang-Sa biết phong tục lễ nghĩa của con nhà Annam cho khỏi chỗ xích mích nhau, làm cho mẹ gà phải thương con vịt. Đêm ngày lo nghĩ đặt sách này dịch sách kia cho kẻ hậu sanh dễ học. Thật(!) là quan thầy của cả Nam-kỳ" (51). Học giả Nguyễn Văn Tố trong bài viết bằng tiếng Pháp đã nói ở trên đã tóm lược thân thế Trương Vĩnh Ký vào ba tiếng "Science, Conscience et Modestie" (bác-học, tâm thuật và khiêm tốn) (22)!

Nhà phê bình văn học Lê Thanh từ Bắc vào Sài-Gòn nghiên cứu tác phẩm và văn khố ở nhà thờ Trương Vĩnh Ký ở Chợ Quán đã viết lại cảm tưởng. Năm 1943: "Hơn một lần, nghiêng mình trên di cảo vàng úa, tôi cảm thấy tâm hồn tôi sấn lại, khi thấy, bằng những dòng chữ rời rạc, tiên sinh ghi những nỗi lo phiền, buồn tủi, tôi đã cảm thấy lạnh trong tâm hồn khi đọc mấy chữ mà trên ấy tôi nhận thấy sự đau đớn nhiều hơn sức mạnh, tôi được biết rằng, vì quá tận tụy cho nhà, cho nước, cho văn chương, tư tưởng mà tiên sinh đã phải trả cái giá đắt bằng cả cái sức khoẻ và sau cùng, cả cái đời tiên sinh" (52).

Thuần Phong thì khen Trương Vĩnh Ký khi so sánh với Phạm Quỳnh: "Trương Vĩnh Ký là người học trò thứ nhứt của chữ tây và đã cộng tác với Pháp trong cuộc định đoạt vận mệnh quốc gia ta, đáng lẽ ra tạp chí ấy ông phải làm tay sai cho Pháp để đàn áp dư luận, thù phục nhân tâm cho Pháp và để tận diệt dấu tích chữ Nho và tinh thần ái quốc trong tâm hồn nhân dân ta, như về sau này (1917) Phạm Quỳnh đã ra làm tạp chí Nam-Phong cho Louis Marty một cách khôn khéo. Song trong tạp chí đó, người ta không thấy manh tâm ẩn ý nào theo Pháp phản dân, không tìm được sự có mặt của Pháp, ngoại trừ mười hàng dạy tiếng Pháp ở cuối mỗi số..." (53). (Mà phần này chưa chắc đã do Trương Vĩnh Ký soạn dù ông là Chánh tổng tài tờ báo!).

Bằng Giang trong *Sương Mù Trên Tác Phẩm Trương Vĩnh Ký* trình bày Trương Vĩnh Ký có "giải pháp phi truyền thống, mặc dầu có đối kháng nhưng không có một lần nào Trương Vĩnh Ký công khai xúc phạm đến danh dự của nghĩa quân là những người yêu nước kháng chiến, vì chúng tỏ họ Trương cũng nhìn nhận tinh thần đó ở những người (qua bức thư gửi cho Paul Bert ngày 5-10-1886) hay những phong trào nghĩa quân cần vương hoặc Văn thân" (54).

12 - Vấn-đề diễn tiến tư tưởng của tác giả: Nhiều nhà biên soạn sách hay rơi vào sai lầm hay thiếu sót khi trích dẫn các tác giả mà cuộc đời đã thay đổi tư tưởng nhiều lần, thay đổi vì đổi đời, vì chính kiến, ý thức hệ, hoặc tiến bộ, chính xác và qui mô hơn. Các sách và bài báo của các giáo sư Lý Chánh Trung, Nguyễn Văn Trung, các linh mục Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan trước 1975 được viết trong hoàn cảnh chiến tranh ý thức hệ tư bản-cộng sản, thiên tả vì họ chủ trương một xã hội không tư bản; sau 1975, tư tưởng và lý tưởng của họ đã đổi khác trong một xã hội độc tài, chuyên chính, sau một thời gian ngắn hồ hởi vui chiến thắng và thống nhất, họ đã có những sách báo không còn chung chiều hướng. Lữ Phương, linh mục Trần Tam Tĩnh, có những sách báo nặng nề phê phán ngay sau "chiến thắng" 30-4-1975 nhưng sau thời Đổi mới, họ có còn nghĩ như vậy không? Giáo sư Nguyễn Văn Trung trước 1975 phê phán nặng nề Trương Vĩnh Ký và "bất công" với văn học miền Nam như chính ông thú nhận (26) nhưng sau 1987 ông đã có những bài viết "công bằng" hơn nhưng đôi khi gây nghi ngờ thêm (55)! Trích dẫn Phạm Long Điền hay Nguyễn Sinh Duy nên hiểu hai ông đều là sinh viên chịu ảnh hưởng của giáo sư Nguyễn Văn Trung trước 1975 (56). Hơn nữa phải hiểu mục đích chống TVK thời bấy giờ như Phạm Long Điền lộ cho thấy "cho nên bài học TVK còn là bài học lớn, súc tích, đầy ý nghĩa cho người trí thức cũng như người cầm bút hôm nay suy gẫm chọn một thể đường trên con đường đi tới của lịch sử dân tộc" (57).

Luận án của Cao Huy Thuần tựa đề *Christianisme et colonialisme au Vietnam, 1857-1914* (Université de Paris, 1968) trước 1975 đã bị một nhóm người có mưu đồ tiêu cực

dịch ra tiếng Việt, năm 1988 ở hải ngoại "nhà xuất bản" Hương Quê ở California in lại (Đạo Thiên Chúa Và Chủ Nghĩa Thực Dân Tại Việt Nam 1857-1914), tác giả không hề hay biết, do đó không thể xem bản dịch tiếng Việt là của ông Thuần. Chính ông Thuần đã dính chính việc này trên tờ Thời Luận ở Los Angeles số ra ngày 1-7-1988, trong đó tác giả còn cho biết luận án của ông chỉ có một "mục đích khoa học"! Vậy mà nhiều người đã xem con thuyền phương tiện đưa người sang sông là mục đích, rồi tôn thờ con thuyền! Hơn nữa, trong bản in năm 1990, Les Missionnaires et la politique coloniale française au Vietnam 1857-1914 (58), tác giả đã lược bớt nhiều trang, nên có thể xem như ông cập nhật hóa luận án hơn 20 năm trước. Để chứng tỏ lương thiện trí thức ("honnêteté intellectuelle"), người viết ít ra phải nói rõ đó là những gì tác giả trích dẫn đã viết vào giai đoạn nào. Xin nhắc ở đây là các cây viết thuộc hệ cộng sản như Phan Cự Đệ, Vương Trí Nhàn, Hoàng Ngọc Hiến, Chương Thâu, Trần Văn Giàu, ... đã "tiến hóa" tư tưởng nếu không muốn nói là "mâu thuẫn" từ thời 1954 đến nay, về văn học tiền chiến, phong trào Thơ Mới, Tự Lực văn-đoàn, Phạm Quỳnh, Nam-Phong tạp-chí, v.v. Chế Lan Viên khi chết đã để lại Di Thảo như để nói thật lòng tức phẫn hận hết những lách, né trong quá khứ! Như vậy nay đã đầu một thế kỷ và thiên niên mới, đất nước lòng người đã trải qua nhiều cuộc chiến tranh chống thực dân và nội bộ, sao lại phải khơi những tro tàn 30, 50 năm trước mà chính người liên hệ đã thay đổi, mở mắt và hoàn cảnh đã khác? Với hậu ý gì ?

13 - Vấn đề thư tịch: Mất nước, mất tất cả, do đó thư tịch và văn hóa cũng không tránh bị trạng đó! Những người có chút bận tâm cho lịch sử, văn học sử và thư tịch học không thể không bất bình trước hiện tượng có những ấn phẩm không tôn trọng văn bản và bản quyền tác giả; hơn thế nữa còn cắt xén tác phẩm của người khác, thu góp bài làm một tuyển tập (anthology) rồi ghi tên người thu lượm là "tác giả", hay trích dẫn sai nguyên văn dĩ nhiên vì có dụng ý, hoặc thu góp bài và thư tín riêng tư mà không hề xin phép các tác giả. Ngoài cuốn Pétrus Trương Vĩnh Ký Tuyển Tập (35), còn có các ấn phẩm kể sau xin nêu tượng trưng: A. de Rhodes Người Đầu Tiên Vận Động Pháp Chiếm Việt Nam Và Chữ Quốc Ngữ (11), Thiên Hồ! Đẻ Hồ! (của Chương Thâu bị Mr Le ở hải ngoại thêm bớt bài, từ bài gốc của cụ Phan Bội Châu), Ki Tô Giáo Từ Thực Chất Đến Huyền-Thoại (có một số bài hoặc phát biểu riêng, in không xin phép tác giả). Có hiện tượng "cầm nhàn" cố tình lẫn lộn tác giả (author / auteur) với người chủ biên hoặc chủ trương (editeur intellectuel / éditeur) ở Âu Mỹ là người đứng ra mời hoặc chủ trương dĩ nhiên xuất bản với sự thỏa thuận của các tác giả. Nhiều tuyển tập in ở hải ngoại rất mập mờ điểm này, thường để tên người sưu tập và đánh máy (chứ không hẳn đã là chủ biên) vào chỗ của tác giả, như cuốn Việt Nam Những Sự Kiện Lịch Sử Trong Thế Kỷ 20, ... Trong nước dù sao vẫn ghi rõ tên người sưu tầm giới thiệu và ở chỗ khiêm tốn hơn! Tưởng tượng nếu là người Hoa kỳ hay Pháp, Anh... thì đây là những vi phạm luật pháp! Mà "honnêteté intellectuelle" bị "quí vị" này hiếp đáp hơi kỹ! Cùng những "quí vị" này lại hay nói đến lòng "yêu nước". Thiển nghĩ chỉ có một tình yêu nước khi thành thật, không mưu đồ, điều kiện, tình đó không thể có ở những trò lộng giả thành chân, ăn cháo đá bát và vô ơn với tiền nhân !

14 - Người Việt Nam có truyền thống trọng chữ tín, sĩ diện và danh dự nhưng không có những hành động ngoạn mục như người Nhật (có nhưng hiếm hoi Phan Thanh Giản, Hoàng Diệu, Nguyễn Tri Phương, một số sĩ quan Việt Nam Cộng hòa,..), thành ra mới có

chuyện người sống viết hồi ký để tự đề cao, tự đính chính đồng thời bôi xấu người chết hoặc đối nghịch và bôi nhọ nhau trên báo chí, đối xử tàn tệ với bạn hơn cả với kẻ thù. Có người dựa trên kẻ chết để tự đánh bóng, để làm chính trị, ... Trương Vĩnh Ký, "toàn-cầu bác-học danh-gia" được quốc tế công nhận từ năm 1874, thông thạo trên 20 thứ tiếng, mà sống khiêm tốn, sống theo lễ nghĩa căn bản có thể lỗi thời, vác ngà voi cho tập thể và hậu thế...! Quý học giả, nhân sĩ Nguyễn Văn Tố (22, 29) , Đào Duy Anh (59) , Hồ Hữu Tường (41), Vương Hồng Sển đã có những nhận xét đáng kể. Cụ Vương cụ thể trong cuốn *Nửa Đồi Còn Lại* (1996), cuốn in những bài viết cuối đời , đã kết luận về những "cái gương sáng suốt": "Trương Vĩnh Ký đứng đầu, chí khí như họ Từ đời Tam quốc, sống đất Tây mà lòng vẫn hiên ngang, không theo phò tá mà vẫn một lòng vì cố quốc, nước nhà, tuy tượng đồng bị hạ bệ mà nghe đâu sẽ có ngày xây dựng lại như cũ..." (60). Cả Nguyễn Đình Đầu (3), Nguyễn Văn Trấn, Đỗ Quang Hưng (39) xuất thân từ đảng cộng sản Việt Nam, các ông đều tôn vinh công trạng của Trương Vĩnh Ký đối với văn học và văn hóa nước nhà. Nguyễn Văn Trấn cho rằng TVK không sợ phỏng tay khi "thành thật đưa tay ra nắm lấy tay người Pháp, ông muốn nhờ ở sự gần gũi với châu âu, đem lại văn minh tiến bộ. Mà văn minh tiến bộ chỉ tồn tại trong sự đồng song phát triển của trí tuệ, đạo đức và hạnh phúc" vì "TVK bản thân không để mất gì hết, từ quốc tịch đến quốc hồn, bộ khăn đóng áo dài..." (61). Tiếng nói những "hậu sinh" vì tị hiềm tôn giáo, địa phương hoặc mưu đồ chính trị hoặc cá nhân có thể sẽ bay mất, ấn phẩm của họ sẽ bị đào thải, nhưng hiềm nguy đánh giá sai lịch sử còn đó, vì nói như một nhà tuyên truyền giỏi, cứ nói cứ nói dù sai, sẽ có cái gì đó lưu lại ! Hôm nay với tài liệu thư tịch dù thất lạc nhưng vẫn còn, mà con người đã xuyên tạc như thế, người ở các thế hệ sau sẽ hiểu thế nào !

Hồ Hữu Tường từng xét trường hợp Trương Vĩnh Ký là "cái quá trình cái hoá trình từ một nhà trí thức hợp tác với ngoại bang để đến một bậc sĩ phu đối với thời đại của mình" (62). Thiển nghĩ hơn thế nữa, Trương Vĩnh Ký là hành trình rất trí thức của một con người "mất gốc" (theo đạo, làm việc cho Pháp, sống ở đất thuộc địa) lúc đầu đời, đi đến một con người thuần thực yêu nước và văn hóa dân tộc ! Xin mở một dấu ngoặc rằng sách sử từng ghi lại rằng gia đình Nguyễn Nhạc vốn theo đạo Thiên-Chúa nhưng khi anh em Tây Sơn nổi dậy thắng thế đã bỏ đạo. Tuy nhiên Nguyễn Lữ , một người anh khác của vua Quang Trung sống thời thế kỷ XVIII mà đã có cái nhìn tổng hợp về tôn giáo, đã chấp nhận hành lễ theo nghi thức đạo Thiên-Chúa (63) và cũng không cảm những tín ngưỡng khác bắt đầu phát triển ở Nam-hà.

Vì nguồn gốc, quá khứ, tín ngưỡng, chiến tranh và chính trị, v.v., người Việt đến nay vẫn đối đầu nhau trong nhiều vấn đề liên hệ đến dân tộc và đất nước. Thiển nghĩ chúng ta sẽ mất hết, mất cả cái "nhau" chúng ta vẫn nghĩ còn ("Chúng ta mất hết chỉ còn nhau"). Có những cái mất mát mà chúng ta coi như định mệnh hoặc bất khả kháng vì người sống không thể làm được gì để níu kéo ngoài việc tưởng nhớ, như những chiến sĩ đã nằm xuống vì lý tưởng, những nạn nhân chiến tranh, những đồng bào chết dưới lòng biển, ... Nhưng đối với người chết và nhất là các tiền nhân, tổ tiên, thiển nghĩ chúng ta khó có thể chấp nhận thái độ phỉ báng một cách hàm hồ, ác ý. Dù gì thì Trương Vĩnh Ký vẫn là người có liên hệ đến lịch sử thời người Pháp đến thôn tính Việt Nam, đã năng nổ ra tay, với lập trường phục vụ tổ quốc và dân tộc, đã tích cực đương đầu với "ngoại lai", tiếp nhận và thu thập tinh hoa của "người", giúp người Việt đến với khoa học, tiến bộ, làm giàu học thuật, đồng thời đã giúp đồng bào của ông làm người Việt về mặt đạo đức, văn

hóa! Ngay sau "chiến thắng" 30-4-1975, Hà Nội liền phá bức tượng Trương Vĩnh Ký ở công viên gần dinh Độc Lập (64), đổi tên trường Petrus Trương Vĩnh Ký và phá bức tượng bán thân trong khuôn viên trường dựng từ 9-1928 (65); đến nay dù Đổi Mới và sau nhiều thay đổi, tượng A. de Rhodes được dựng lại, Trương Vĩnh Ký vẫn bị xóa, không phục hồi. Vì lý do chính trị chăng? Tượng A. de Rhodes được dựng lại, "tuyên truyền" rằng ông là ông tổ chữ quốc ngữ chỉ gây thêm ngộ nhận, "mây mù", vì muốn làm vui lòng người Pháp chăng? Để trường Viễn-đông bác-cổ mở lại ở Hà-nội, để người Pháp nghiên cứu và in sách Hán-Nôm - việc Trương Vĩnh Ký đã từng làm! Một trí thức Nam-kỳ, theo đạo Thiên-Chúa,.. hình như vẫn là ám ảnh chính trị của guồng máy độc tài cộng sản? Mới hiểu tại sao hơn thế kỷ trước, Trương Vĩnh Ký đến chết vẫn ôm một tâm sự buồn, ghi lại rõ nhất ở hai câu kết "bài thơ tuyệt vọng"Â:

"Cuốn sổ bình sanh công với tội,

Tim nơi thẳm phán để thừa khơi"! (66)

Nguyễn Vy Khanh

5-2000

Chú:

(1) Phương hướng nhiệm vụ thứ nămÂ: "Tiếp tục dòng chảy không đứt đoạn của ký ức văn hóa, Hội Nhà Văn tạo mọi điều kiện đẩy mạnh sáng tác về đề tài lịch sử và chiến tranh cách mạng..." (Hữu Thịnh. "Báo Cáo của Ban chấp hành Hội nhà văn khóa V... "Văn Nghệ, 17, 22-4-2000, tr. 6). Ngoài ra, Nguyễn Hữu Sơn (Viện văn-học) trong bài "Sáng tác về đề tài lịch sử" (Văn-Nghệ 24, 16-9-1999, tr. 6)Â đã ghi nhận: "... bởi tâm lý tự cường mong muốn khẳng định bản lĩnh văn hóa dân tộc trong bước chuyển gia tốc giao lưu và hội nhập quốc tế; hơn nữa được kích thích bởi những định hướng lớn của Đảng và Nhà Nước trong việc bảo tồn, phát huy bản sắc truyền thống dân tộc khiến cho tâm thế sáng tác 'hướng về cội nguồn' ở các nhà văn càng có dịp nảy nở và phát triển...".

(2) "Sử gia" Nguyễn Vũ (Vũ Ngự Chiêu) đã cho rằng Trương Vĩnh Ký bị thân mẫu "bán" cho cha cố người Pháp (Paris Xuân 1996. HoustonÂ: Văn Hóa, 1997, tr. 68). Đã bị bán mà TVK vẫn về thăm mẹ mỗi hè và khi mẹ mất đã về thọ tang! Thật ra cậu bé TVK 3 tuổi mồ côi cha được cố đạo Tám (người từng được ba cậu là lãnh binh Trương Chánh Thi che chở khỏi bị sát hại vì căm đạo) và sau là cố Long nuôi cho ăn học chữ Hán trước chữ quốc ngữ và latin. Riêng TVK đã có lần tự nhận là "con nuôi" của nước Pháp cộng hòa!

(3) Bài nói chuyện tại Nhà văn hóa lao động thành phố Hồ Chí Minh ngày 11-10-1998 và tường thuật lại trên báo Thanh Niên số ra ngày 21-10-1998. Không thấy sử gia Vũ Ngự Chiêu nhắc đến mấy lá thư này!

(4) Xem tranh luận về thơ Lục Vân Tiên trên tạp chí Văn Học (CA) các số 141, 142, 148, 149 (1-9, 1998).

(5) Trích lại từ Bằng Giang. Sương Mù Trên Tác Phẩm Trương Vĩnh Ký. (TpHCM)Á: Văn Học, 1993, tr. 41.

(6) Nguyên tựaÁ là : Chuyện Đời Xưa Lựa Nhón Lây Những Chuyện Hay Và Có Ích. Sài-Gòn. 1866. 74 tr.

(7) Thanh Lãng. "Thử thiết lập hồ sơ về hai người con gái : một con của Phật, một con của Chúa", tr. 14 in Về Sách Báo Của Tác Giả Công Giáo (Thế Kỷ XVII-XIX): Tài Liệu Tham Khảo. (TpHCM: Trường Đại học tổng hợp Tp HCM, Khoa Ngữ Văn, 1993), và "Tiếng và chữ người Sài-Gòn" (di cảo). Dòng Việt, 6, 1999, tr. 158-179.

(8) Xem Nguyễn Vy-Khanh. "Tiếng Việt qua một số tác phẩm" tr. 63-91 In Văn Học Và Thời Gian. (Westminster, CA: Văn-Nghệ, 2000), và tập Sấm Truyền Ca (MontréalÁ: Tạp chí Y Sĩ, 2000. 186 tr.).

(9) Rolland Jacques. "Bồ Đào Nha và công trình sáng chế chữ quốc ngữ : phải chăng cần viết lại lịch sử?" Định Hướng, 17, mùa thu 1998, tr. 18-62, tr. 40.

(10) Theo linh mục Đỗ Quang Chính, linh mục Dòng Tên Francisco de Pina người đã dạy tiếng Việt cho linh mục Đắc-Lộ, sau chết đuối ở cửa biển Đà Nẵng, mới chính là "một trong những người đầu tiên đem mẫu tự abc vào tiếng Việt" (Lịch Sử Chữ Quốc Ngữ 1620-1659. Sài-Gòn : Ra-Khoi, 1972, tr. 89). Chính A. de Rhodes trong lời Tựa cũng ghi thừa hưởng công của Jaspas d'Amaral và Barbosa. Về dấu vết chữ quốc ngữ, xem R. Jacques. "Un document de linguistique comparée, japonais-chinois-vietnamien, rédigé à Macao en 1632". Định Hướng, 19, mùa hè 1999, tr. 141-157; 21, mùa đông 1999, tr. 86-106, và Nguyễn Khắc Xuyên. Ngữ pháp tiếng Việt của Đắc Lộ 1651 . Garden Grove, CA: Thời Điểm, 1993; Giáo Sĩ Đắc Lộ. <http://vietcatholic.net/>

(11) Garden Grove, CA: Giao Điểm, 1998. 299 tr.

(12) "Về vai trò của Alexandre de Rhodes đối với sự chế tác và hoàn chỉnh chữ quốc ngữ" in Giao Lưu Văn Hóa Và Ngôn Ngữ Việt Pháp (TpHCMÁ: NXB TpHCM, 1999), tr. 236.

(13) Paris: Maisonneuve, 1955-56, tome 1, quyển 1, chương 1, trang 9-22. Hà Nội cũng theo lý luận này để kết án A. de Rhodes có mưu đồ xúi người Pháp xâm chiếm nước Việt Nam.

(14) Văn-Học Chữ Quốc Ngữ ở Nam kỳ 1865-1930. TpHCMÁ: Trẻ, 1992. Tr. 295.

(15) Phạm Long Điền, " Trương Vĩnh Ký trong quỹ đạo xâm lăng văn hóa của thực dân Pháp" Bách-Khoa, 408, 11-1974, tr. 40.

(16) Mẫn Quốc. "Trương Vĩnh Ký, một nhà bác học trứ danh đã ngang nhiên đóng vai đặc vụ tình báo, làm tay sai đắc lực cho giặc Pháp". Nghiên-Cứu Lịch Sử , 60, 3-1964, tr. 40.

(17) Phạm Long Điền. Bđd, tr. 37.

(18) "Les monuments littéraires étant rares dans le pays des ... qu'elles prennent naissance aux sources obscures de la mythologie" (v. 1, p. 5-6) Avant-propos. Petit cours d'histoire annamite à l'usage des écoles de la Basse-Cochinchine. Saigons: Impr. du Gouvernement, 1875-1877.

(19) "Pendant 149 ans, l'Annam eut à subir des gouverneurs chinois. Mais cette domination périclète, comme tout ce qui tient de la violence, par ses excès: Le joug fut brisé par les mains d'une femme". Op. cit., p. 23.

(20) "Il introduisit la littérature chinoise en entier, (...). Les Annamites perdirent complètement leur propre écriture par suite de cette mesure rigoureusement employée". Op. cit., v. 2, p. 27.

(21) "Nous n'oublierons point qu'Annamites de la France, ou Annamites de la Cochinchine et du Tonkin, nous avons des origines communes. Bien que séparés par les destinées politiques, nous nous élèverons de toutes nos forces contre ce système erroné d'administration, contraire à la saine économie politique, qui fait du peuple le bétail des rois; qui n'est que l'exploitation maladroite et criminelle d'une nation par la caste des fonctionnaires avides et ambitieux". (Op. cit., v. 2, p. 251); "Je demande pardon de cette digression, que la contemplation des faits historiques m'a arrachée. On ne m'en voudra point, si un sentiment de tristesse amère me domine, lorsque je considère ce que sont devenus ces pays et ce qu'ils auraient pu être" (p. 252).

(22) "Petrus Ký". Bulletin de l'enseignement mutuel du Tonkin, t. XVII, nos 1-2, janv-juin 1937, p. 25-67. Trích theo Bằng Giang, Sđd tr. 39.

(23) Vân-Đặng Trần Văn Rạng. " Trương Vĩnh Ký với Truyện Đất Nam-kỳ". Văn (TpHCM), 11-1990, tr. 102.

(24) Phụ lục, tr. 160-168 In Trương Vĩnh Ký, Nhà Văn Hóa. Sđd; và Về Sách Báo... (chú 7).

(25) Trích theo Bằng Giang, Sđd tr. 132.

(26) Giáo sư Nguyễn Văn Trung đã nhiều lần cho biết: : "Có thể chúng tôi cũng có trách nhiệm phần nào trong việc dẹp bỏ tượng Trương Vĩnh Ký vì nhiều năm trước 1975, chúng tôi đã đề ra một cuộc vận động phê phán Phạm Quỳnh, Trương Vĩnh Ký về phương diện chính trị và văn hóa" (Trương Vĩnh Ký, Nhà Văn Hóa . Sđd, tr. 44); "Trước 1975 tôi đã viết nhiều bài, sách phê phán nghiêm khắc Trương Vĩnh Ký đặc biệt về chính trị, hơn nữa tôi còn gợi ý khuyến khích một vài bạn trẻ đi vào con đường đó như Phạm

Long Điền, Nguyễn Sinh Duy. Những loạt bài phê phán của chúng tôi đã gây phiền muộn bất mãn trong giới văn hóa miền Nam lúc đó đặc biệt hai người Hồ Hữu Tường và Vương Hồng Sển..." ("RFI phỏng vấn nhân dịp 100 năm ngày giỗ Trương Vĩnh Ký", Đi Tới, 13, 9-1998, tr. 22. In lại trong Nhận-Định X (Montréal: Tác giả xb, 1999), tr. 151).

(27) Trích theo Bằng Giang, Sđd, tr. 56.

(28) Trích theo Bằng Giang. Sđd, tr. 134.

(29) "Tựa". Lê Thanh. Trương Vĩnh Ký Biên-Khảo. Hà Nội: Tân Dân, 1943 (Phổ Thông bán nguyệt san, 9-1943), tr. 4.

(30) "Phỏng vấn nhà văn Võ Phiến về bộ sách "Văn Học Miền Nam"". Văn Học (CA) 169, 5-2000, tr. 10.

(31) Bằng Giang. Sđd, tr. 65.

(32) Phạm Long Điền. Bđd, tr. 35.

(33) Nguyễn Văn Trung. Chữ, Văn Quốc Ngữ Thời Kỳ Đầu Pháp Thuộc. (Sài Gòn : Nam Sơn, 1974), Xuân Thu tb, 1989, tr. 42.

(34) Quán Phong. "Trương Vĩnh Ký". Năng Mới (Montréal), 21, 6-1993, tr. 20-24.

(35) Pétrus Trương Vĩnh Ký Tuyển Tập. (San Diego: Việt Nam/Mr Le, 1996), tr. 89. (Ngoài bìa ghi "tác giả" là Cửu Long Lê Trọng Văn, trang trong ghi "tác giả giữ bản quyền" và ghi thêm "mọi trích dịch, in hay sao ... phải có sự đồng ý của tác giả" - Người đọc tự hỏi ai là "tác giả" và không biết ông "tác giả mới" này đã xin phép các tác giả nguyên bản chính chưa!).

(36) Như Tô Minh Trung. "Trương Vĩnh Ký tên tay sai đắc lực đầu tiên của chủ nghĩa thực dân Pháp trong lịch sử nước ta". Nghiên Cứu Lịch Sử, 59, 2-1964, tr. 45 (Lập lại ý bài của H.H. "Giới thiệu TVK" đã đăng trước đó (NCLS, 56, 11-1963, tr. 13-23) là loạt bài mở đầu "cuộc bình luận về TVK" kết thúc với Trần Huy Liệu ("Nhận định về TVK". 63,6-1964, tr. 29-31)).

(37) Paul Bert Au Tonkin. Paris: G. Charpentier, 1887.

(38) Tâm Thư. Houston, TX: Văn-hóa, 1995, tr. 99-100.

(39) Đỗ Quang Hưng. Một Số Vấn Đề Lịch Sử Thiên-Chúa Giáo Ở Việt Nam. Hà Nội: Trường đại-học tổng hợp, khoa lịch sử, 1990. Ông Hưng tường trình và có kể công của Trương Vĩnh Ký, lời phê duy nhất, nếu có thể xem đó là lời phê, là khi ông gọi Trương Vĩnh Ký là "trí thức nửa dân tộc" (tr. 68).

(40) Thư in lại trong Jean Bouchot. Un savant et un patriote Cochinchinois: Pétrus J.B. Trương Vĩnh Ký. Sài Gòn : Nguyễn Văn Cùa, 1927, tr. 65.

(41) Trích theo Hồ Hữu Tường. "Hiện tượng Trương Vĩnh Ký hay hóa trình từ người trí thức đến kẻ sĩ phu". Bách-Khoa, 404, 5-9-1974, tr. 22.

(42) Dương Mạnh Huy, "Một người tốt của nước Việt Nam", Lục Tinh Tân Văn 1927 (Trích theo Bằng Giang. Sđd, tr. 94-95).

(43) Mẫn Quốc. Bđd, tr. 43.

(44) "Một tháng ở Nam-kỳ". Nam-Phong tạp-chí 17 (1919), Trích từ Nguyễn Văn Trung. Nhận Định X. Sđd, tr. 150, chúng tôi trích lại với đề đặt vì chúng tôi không tìm thấy câu trích trong bản in lại trong Hành Trình Nhật Ký (Yerres: Y Việt, 1997).

(45) Tập 3. Sài Gòn : Tác giả xuất bản, 1965, tr. 84-85.(46) "Miền Nam khai phóng", tr. 15-61 In Văn-Học Và Thời Gian. Sđd.(47) Chữ, Văn Quốc Ngữ Thời Kỳ Đầu Pháp Thuộc. Sđd, tr. 44, 86 và 112-115.

(48) Nguyễn Sinh Duy. "Thương xác cùng học giả Hồ Hữu Tường về hiện tượng Trương Vĩnh Ký", Bách Khoa, 406, 10-1974, tr. 15-25.

(49) Vương Hồng Sển. Hơn Nửa Đời Hư . Tp Hồ Chí Minh: NXB Tổng hợp, 1992, tr. 232.

(50) Tâm Thư. Sđd, tr. 83.

(51) "Ông Đốc Ký". Lục-Tinh tân-văn số 29, 4-6-1908. Trích lại theo Nguyễn Văn Trung (Trương Vĩnh Ký, Nhà Văn Hóa, Sđd, tr. 34) . Câu này được nhiều sách báo trích dẫn lại nhưng sai, hoặc thành "ông thầy của cả nước và của cả Nam-kỳ", hoặc "ông thầy đạo lý của Nam-kỳ"! Những chữ in nghiêng không có ở nguyên bản đăng lại!

(52) Lê Thanh. Sđd, tr. 10-11.

(53) Đồng-Nai Văn-tập, 3, 1966, tr. 43-44, trích lại theo Bằng Giang. Sđd, tr 63.

(54) Bằng Giang. Sđd, tr. 187.

(55) Như bài viết "Nghĩ vấn về tác giả Lục Vân Tiên". Khởi Hành (CA), 45, 7-2000, tr. 7-10: ông chủ trì ông là người đầu tiên lập lại nghi vấn của M.E. Villard trong một bài báo xa xưa tháng 8-1880 nghi rằng Lục Vân Tiên xuất phát từ Bắc từ ... thời thượng cổ, và vô danh!

(56) "RFI phỏng vấn nhân dịp 100 năm ngày giỗ Trương Vĩnh Ký". Bđd, chú 25.

(57) New Haven, CT : Council on Southeast Asia Studies, Yale Center for International and Area Studies ; Amiens, France : Centre de relations internationales et de science politique, Université d'Amiens, 1990. 420 p.

(58) Phạm Long Điền. Bđd, tr. 41.

(59)"Người đầu tiên có công khiến văn học ta thành sinh-diện mới ấy là Trương Vĩnh Ký (...), một nhà học giả trú danh ở Nam-Việt ngay từ khi Nam Việt mới thành thuộc địa đã dùng chữ quốc ngữ để chuyển tả những văn Nôm hay (...) rồi lại dùng Việt ngữ để phiên dịch sách Tàu (...), sách Tây (...) và trứ thuật các sách chuyện đời xưa, phép lịch sự an nam, cò bạc nha phiến, bằng một trứ văn rất giản dị". (Việt Nam Văn Hóa Sử Cương. Sài-Gòn: Bốn Phương, sd, tr. 276).

(60) Nửa Đời Còn Lại (Westminster, CA: Văn nghệ, 1996), tr. 369.

(61) Nguyễn Văn Trấn. Trương Vĩnh Ký, Con Người Và Sự Thật. TpHCM: Ban Khoa-học xã hội thành ủy, 1993, tr. 210. Sách bị tịch thu sau khi in, nhưng hiện có ở nhiều thư viện Mỹ.

(62) Hồ Hữu Tường. Bđd, tr. 19.

(63) Lê Thành Khôi. Le Việt Nam: histoire et civilisations, le milieu et l'histoire. Paris: Minuit, 1955, tr. 310-311.

(64) Bức tượng nhà bác học Trương Vĩnh Ký được dựng từ năm 1927 ở công viên gần nhà thờ chánh toà Sài-Gòn lúc đầu do dân chúng và nhà báo hào thu góp đúc tượng từ năm 1908, sau nhà cầm quyền người Pháp muốn "lôi kéo" về cùng phe đã hoàn thành đúc tượng và khánh thành, khi kháng chiến chống Pháp nổi dậy ở Sài-Gòn năm 1945 vẫn được tôn trọng không bị phá đổ như tất cả các tượng hình dấu vết của thực dân khác. Nhưng đến 30-4-1975 thì bức tượng bị giật đổ vì bị kẻ "chiến thắng" xem như là tàn tích của ... quá khứ ! Giáo sư Nguyễn Văn Trung cũng đã thú nhận đã hiểu sai việc dựng tượng nên đã mạnh tay với Trương Vĩnh Ký trước 1975 (Trương Vĩnh Ký, Nhà Văn Hóa. Sđd, tr 46).

(65) Với thiên kiến, "sử gia" Nguyễn Vũ VNC đã sai lầm gán cho "chính phủ Nam-kỳ tự trị của y sĩ Nguyễn Văn Thịnh lấy tên Petrus Ký đặt cho trường học bản xứ lớn nhất SG" từ năm 1946 (Sđd, chú 2, tr. 70). Trong thực tế lịch sử, trường khai giảng khoảng tháng 9 năm 1927 với tên Collège de Cochinchine, đến ngày 18-12-1927, thống đốc Blanchard de la Brosse ra quyết định đổi tên thành Petrus Trương Vĩnh Ký và năm sau khánh thành tượng đồng TVK bán thân và trường trở thành Lycée Petrus Trương Vĩnh Ký.

(66) Đào Văn Hội. Danh Nhân Nước Nhà. Sài-Gòn: Tác giả tái bản, 1948, trang 223.